Kinh Tụng Pali (NS Liễu Pháp - Ni viện Viên Không)

Kinh Nhật Tụng (Nam truyền)

Kinh tụng Pāli Ni sư Liễu Pháp tụng và thu âm Ni viện Viên Không, Bà Rịa Vũng Tàu

BẢN SƠ THẢO Phiên bản: 6/09/2019 7:14 AM

Giới thiệu: Tập kinh Pāli này được soạn ra để giúp người đọc tiện theo dõi các bài kinh tụng bằng tiếng Pāli của Ni sư Liễu Pháp. Chúng tôi có thêm phần dịch nghĩa tiếng Việt để tham khảo đối chiếu. Tuy nhiên, độc giả cần phải tham khảo các tập kinh tụng phổ biến tại các chùa Phật giáo Nam truyền để biết thêm ý nghĩa và các chi tiết khác. Bình Anson Perth, Tây Úc, tháng 9-2019. Tham khảo - Hòa thượng Hộ Tông (2005). Kinh tụng. - Tỳ-khưu Giới Đức (2014). Kinh tụng Pāli-Việt. - Tỳ-khưu Siêu Minh (2013). Kinh Nhật tụng Phật giáo Nguyên thủy. - Tỳ-khưu Tăng Định (2004). Kinh Nhật tụng - Cư sĩ. - Vô Môn Thiền tự (2014). Kinh tụng Pāli-Việt. - Amaravati Buddhist Monastery (2015). Chanting Book. - Dhammarato, Bhikkhu. The Complete Book of Pāli Chanting. - Metta Forest Monastery (2017). A Chanting Guide. - Samantha Trust (2014). Chanting Book. - Tan, C. (2012). A Comprehensive Manual of Traditional Thai Pāli Chanting.

MỤC LỤC 01. Thỉnh chư thiên 00:10 .....7 02. Dâng hương 01:17 .....8 03. Lễ Phật 01:48.....8 04. Tán dương Phật 02:19 .....9 05. Lễ Tam thế Phật 02:49 .....9 06. Ân đức Phật 03:08..... 10 07. Quy y Phật bảo 03:38..... 10 08. Sám hối Phật bảo 03:57 ..... 11 09. Lễ bái Pháp bảo 04:21 ..... 11 10. Lễ Tam thế Pháp 04:47 ..... 12 11. Ân đức Pháp bảo 05:09 ..... 12 12. Quy y Pháp bảo 05:34..... 12 13. Sám hối Pháp bảo 05:54..... 13 14. Lễ bái Tăng bảo 06:17 ..... 13 15. Lễ Tam thế Tăng 06:42 ..... 14 16. Ân đức Tăng bảo 07:04 14

17. Quy y Tăng bảo 08:04 ..... 15 18. Sám hối Tăng bảo 08:25 ..... 15 19. Lễ bái Xá lợi 08:47 ..... 16 20. Lễ bái Chư Phật 09:14 ..... 16 21. Phép thọ trì Tam quy và Ngũ giới 11:28 ..... 18 22. Phép thọ Bát quan trai giới 14:49 ..... 20 23. Rải tâm Từ 19:16 ..... 24 24. Hồi hướng chúng sinh 21:58 ..... 26 25. Kệ hồi hướng đến Chư Thiên 23:16 ..... 27 26. Hồi hướng phước đến thân quyến 25:14 ..... 29 27. Kinh Từ bi 26:02 ..... 30 28. Kệ Phật lực thắng hạnh 29:27 ..... 32 29. Kinh Điềm lành (Hạnh phúc) 33:24 ..... 37 30. Kinh Tam bảo 37:27 ..... 41 31. Kệ Hộ trì tối thắng 46:41 ..... 51 32. Kệ Hộ trì vô úy 48:18..... 53 33. Kệ Hộ trì Āṭānāṭiya 50:29 ..... 55 34. Kệ Châu báu 51:45 ..... 56 35. Các kệ động tâm 52:33 ..... 57 36. Ba mươi pháp ba la mật 57:21 62

37. Thập nhị duyên khởi 01:01:20 ..... 65 38. Mẫu đề tam 01:04:20 ..... 67 39. Kinh Chuyển Pháp luân 01:10:02 ..... 72 40. Kệ bố cáo cho thí chủ hoan hỷ 01:20:35 ..... 83 41. Kệ Điềm lành vũ trụ 01:22:00 ..... 85 42. Kệ hồi hướng quả báo đến ngạ quỷ 01:24:15 ..... 87 43. Kệ chúc phúc 01:25:31 88

Bhavatu sabba maṅgalaṃ Tất cả hạnh phúc hằng có đến người, cầu xin Rakkhantu sabba devatā Chư Thiên hộ trì đến người. Do nhờ oai đức của Sabba Buddh'ānubhāvena Chư Phật, các sự thạnh lợi thường thường đến Sadā sotthi bhavantu te. người. Bhavatu sabba maṅgalaṃ Tất cả hạnh phúc hằng có đến người, cầu xin Rakkhantu sabba devatā Chư Thiên hộ trì đến người. Do nhờ oai đức của Sabba Dhamm'ānubhāvena Giáo Pháp, các sự thạnh lợi thường thường đến Sadā sotthi bhavantu te. người. Bhavatu sabba maṅgalam Tất cả hạnh phúc hằng có đến người, cầu xin Rakkhantu sabba devatā Chư Thiên hộ trì đến người. Do nhờ oai đức của Sabba Saṅgh'ānubhāvena Chư Tăng, các sự thạnh lợi thường thường đến Sadā sotthi bhavantu te. người.

1. THỈNH CHƯ THIÊN (00:10-01:14) ĀRĀDHANĀ DEVATĀ

Sagge kāme ca rūpe giri-sikhara-taṭe Xin thỉnh Chư Thiên ngự trên cõi trời Dục giới c'antalikkhe vimāne, cùng Sắc giới; Chư Thiên ngự trên đỉnh núi, núi Dīpe raṭṭhe ca gāme taru-vana-gahane geha- không liền, hoặc nơi hư không; ngự nơi cồn bãi, vatthumhi khette đất liền; hoặc các châu quận; ngự trên cây cối Bhummā c'āyantu devā jala-thala-visame rừng rậm hoặc ruộng vườn; Chư Dạ Xoa, Càn yakkha-gandhabba-nāgā. Thát Bà, cùng Long Vương dưới nước trên bờ, Tiṭṭhantā santike yaṃ muni-vara-vacanaṃ hoặc nơi không bằng phẳng gần đây, xin thỉnh hội sādhavo me suṇantu. họp lại đây. Lời nào là kim ngôn cao thượng của Đức Thích Ca Mâu Ni mà chúng con tụng đây, xin các bậc Hiền Triết nên nghe lời ấy.

Dhamma-ssavanakālo ayam bhadantā. Xin các ngài đạo đức, giờ nầy là giờ nên nghe Dhamma-ssavanakālo ayam bhadantā. Pháp Bảo. (3 lần) Dhamma-ssavanakālo ayam bhadantā.

2. DÂNG HƯƠNG (01:17-01:47) RATANATTAYAPŪJĀ

Imehi dīpa-dhūp'ādi sakkārehi Buddhaṃ Con xin dâng các lễ vật này, nhất là nhang đèn để Dhammaṃ Saṅghaṃ cúng Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, ngưỡng cầu cho abhipūjayāmi mātā-pit'ādīnaṃ các bậc ân nhân, nhứt là cha mẹ con và con đều guṇavantānañca mayhañca được sự tấn hóa, sự lợi ích, sự bình an lâu dài. dīgharattaṃ atthāya hitāya sukhāya.

3. LỄ PHẬT (01:48-02:18) BUDDHA RATANAPAṆĀMA

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammā Con đem hết lòng thành kính làm lễ đức Phá-gá- Sambuddhassa. va (Thế Tôn) đó, Ngài là bậc Á-rá-han (Ứng Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammā Cúng) cao thượng, được chứng quả Chánh Biến Sambuddhassa. Tri, do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy. (3 lần) Namo Tassa Bhagavato

Arahato Sammā Sambuddhassa.

4. TÁN DƯƠNG PHẬT (02:19-02:48)

Yo sannisinno vara-bodhi-mūle Đức Phật tham thiền về sổ tức quan, ngồi trên Bồ Māraṃ sasenaṃ mahatiṃ vijeyyo đoàn, dưới gốc cây Bồ Đề quý báu và đắc thắng Sambodhim' āgacchi ananta ñāṇo toàn bọn Ma Vương, mà thành bậc Chánh Đẳng Lok'uttamo taṃ paṇamāmi Buddhaṃ. Chánh Giác. Ngài là bậc tối thượng hơn cả chúng sinh, con đem hết lòng thành kính mà làm lễ Ngài. 5. LỄ TAM THẾ PHẬT (02:49-03:07)

Ye ca Buddhā atītā ca Chư Phật đã thành Chánh Giác trong kiếp quá Ye ca Buddhā anāgatā khứ. Chư Phật sẽ thành Chánh Giác trong kiếp vị Paccuppannā ca ye Buddhā lai. Chư Phật đang thành Chánh Giác trong kiếp Ahaṃ vandāmi sabbadā. hiện tại này. Con đem hết lòng thành kính mà làm lễ Chư Phật trong tam thế ấy.

6. ÂN ĐỨC PHẬT (03:08-03:37) BUDDHA GUṆA

Iti'pi so Bhagavā: Arahaṃ, Sammā Đây là Đức Thế Tôn, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Sambuddho,Vijjā-Caraṇa-Sampaṇṇo, Sugato, Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Lokavidū, Anuttaro, Purisa-damma-sārathi, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Satthā-devamanussānaṃ, Buddho, Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Bhagavā'ti.

7. QUY Y PHẬT BẢO (03:38-03:56) BUDDHA ATTAPAṬIÑÑĀ

N'atthi me saraṇaṃ aññaṃ Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo. Chỉ Buddho me saraṇaṃ varaṃ có Đức Phật là quý báu. Nên con phải hết lòng Etena sacca-vajjena thành kính mà nương theo. Đặng cầu sự an lạc Hotu me jaya-maṅgalaṃ. đến cho con, y như lời chân thật này.

8. SÁM HỐI PHẬT BẢO (03:57-04:20) BUDDHA KHAMĀPANA

Uttam'aṅgena vande'haṃ Con đem hết lòng thành kính cúi đầu làm lễ vi Pāda-paṃsuṃ var'uttamaṃ trần dưới chân Đức Phật. Là Đấng Chí Tôn Chí Buddhe yo khalito doso Thánh. Các tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến Phật Buddho khamatu taṃ mamaṃ. Bảo. Cúi xin Phật Bảo xá tội lỗi ấy cho con.

9. LỄ BÁI PHÁP BẢO (04:21-04:46) DHAMMA RATANAPAṆĀMA

Aṭṭh'aṅgik'āriya-patho janānaṃ Các Pháp đúng theo đạo Bát Chánh, là con đường Mokkha-ppavesāya ujū ca maggo đi của bậc Thánh Nhân, là con đường chánh, dẫn Dhammo ayaṃ santi-karo paṇīto người hữu trí nhập Niết-bàn được. Pháp Bảo là Nīyāniko taṃ paṇamāmi Dhammaṃ. Pháp trừ diệt các sự lao khổ và các điều phiền não, là Pháp chỉ dẫn chúng sinh thoát khỏi cái khổ sinh tử luân hồi, con đem hết lòng thành kính mà làm lễ Pháp ấy.

10. LỄ TAM THẾ PHÁP (04:47-05:08)

Ye ca Dhammā atītā ca Các Pháp của Chư Phật đã có trong kiếp quá Ye ca Dhammā anāgatā khứ. Các Pháp của Chư Phật sẽ có trong kiếp vị Paccuppannā ca ye Dhammā lai. Các Pháp của Chư Phật đang giáo truyền Ahaṃ vandāmi sabbadā. trong kiếp hiện

tại này. Con đem hết lòng thành kính mà làm lễ các Pháp trong tam thế ấy.

11. ÂN ĐỨC PHÁP BẢO (05:09-05:33) DHAMMA GUṆA

Svākkhāto Bhagavatā Dhammo: Tam Tạng Pháp Bảo, Thế Tôn khéo giảng, thiết Sanditṭhiko, Akāliko, Ehipassiko, Opanayiko, thực hiện tiền, vượt quá thời gian, hãy đến mà Paccattaṃ veditabbo viññūhī'ti. nghe, hướng thượng Niết Bàn, người có trí tuệ, tự mình liễu tri. 12. QUY Y PHÁP BẢO (05:34-05:53) DHAMMA ATTAPAṬIÑÑĀ

N'atthi me saraṇaṃ aññaṃ Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo. Chỉ Dhammo me saraṇaṃ varaṃ có Pháp Bảo là quí báu. Nên con phải hết lòng

Etena sacca-vajjena thành kính mà nương theo. Đặng cầu sự an lạc Hotu me jaya-maṅgalaṃ. đến cho con, y như lời chân thật này.

13. SÁM HỐI PHÁP BẢO (05:54-06:15) DHAMMA KHAMĀPANA

Uttam'aṅgena vand'ehaṃ Con đem hết lòng thành kính, cúi đầu làm lễ hai Dhammañca du-vidhaṃ varaṃ hạng Pháp Bảo là Pháp Học và Pháp Hành. Các Dhamme yo khalito doso tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến Pháp Bảo. Cúi Dhammo khamatu taṃ mamaṃ xin Pháp Bảo xá tội lỗi ấy cho con.

14. LỄ BÁI TĂNG BẢO (06:17-06:41) SAṄGHA RATANAPAṆĀMA

Saṅgho visuddho vara-dakkhineyyo Chư Thánh Tăng đã được trong sạch quí báu là Sant'indriyo sabba mala-ppahīno bậc đáng cho người dâng lễ cúng dường, vì lục căn Guṇehi nekehi samiddhi-patto của các Ngài đã thanh tịnh, lòng tham muốn đã Anāsavo taṃ paṇamāmi Saṅghaṃ. dứt trừ, là Tăng đã thoát ly trần tục, con xin hết lòng thành kính mà làm lễ Chư Thánh Tăng ấy.

15. LỄ TAM THẾ TĂNG (06:42-07:03)

Ye ca Saṅghā atītā ca Chư Tăng đã đắc Đạo cùng Quả trong kiếp quá Ye ca Saṅghā anāgatā khứ. Chư Tăng sẽ đắc Đạo cùng Quả trong kiếp Paccuppannā ca ye Saṅghā vị lai. Chư Tăng đang đắc Đạo cùng Quả trong Ahaṃ vandāmi sabbadā. kiếp hiện tại này. Con đem hết lòng thành kính mà làm lễ Chư Thánh Tăng trong tam thế ấy.

16. ÂN ĐỨC TĂNG BẢO (07:04-08:03) SAṄGHA GUṆA

Su-paṭipanno Bhagavato Sāvakasaṅgho. Chư Thanh văn đệ tử của Đức Thế Tôn là bậc Uju-paṭipanno Bhagavato Sāvakasaṅgho. thiện hạnh. Chư Thanh văn đệ tử của Đức Thế Ñāya-paṭipanno Bhagavato Sāvakasaṅgho. Tôn là bậc trực hạnh. Chư Thanh văn đệ tử của Sāmīci-paṭipanno Bhagavato Sāvakasaṅgho. Đức Thế Tôn là bậc ứng lý hạnh. Chư Thanh văn Yad'idaṃ cattāri purisa-yugāni. đệ tử của Đức Thế Tôn là bậc hòa kính hạnh. Aṭṭha purisa-puggalā. Nghĩa là 4 đôi: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na- Esa Bhagavato Sāvakasaṅgho: hàm, A-la-hán, tức 8 chúng: Tu-đà-hoàn đạo, Tu- Āhuṇeyyo, Pāhuṇeyyo, Dakkhiṇeyyo, Añjali- đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm đạo, Tư-đà-hàm quả, A-karaṇīyo, na-hàm đạo, A-na-hàm quả, A-la-hán đạo, A-la-

Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassā'ti. hán quả. Chư Thanh văn đó là bậc đáng kính, đáng tôn trọng, đáng cúng dường, đáng chấp tay lễ bái, bậc vô thượng phước điền của thế gian.

17. QUY Y TĂNG BẢO (08:04-08:23) SAṄGHA ATTAPATIÑÑĀ

N'atthi me saraṇaṃ aññaṃ Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo, chỉ Saṅgho me saraṇaṃ varaṃ có Đức Tăng là quí báu, nên con phải hết lòng Etena sacca-vajjena thành kính mà nương theo, đặng cầu sự an lạc đến Hotu me jaya-maṅgalaṃ cho con, y như lời chân thật này.

18. SÁM HỐI TĂNG BẢO (08:25-08:44) SAṄGHA KHAMĀPANA

Uttam'aṅgena vande'haṃ Con đem hết lòng thành kính, cúi đầu làm lễ hai Saṅghañ ca duvidh'ottamaṃ, bậc Tăng Bảo là Phàm Tăng và Thánh Tăng, các Saṅghe yo khalito doso tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến Tăng Bảo, cúi Saṅgho khamatu taṃ mamaṃ. xin Tăng Bảo xá tội lỗi ấy cho con.

19. LỄ BÁI XÁ LỢI, BẢO THÁP, CÂY BỒ ĐỀ (08:47-09:11) TIVIDHA CETIYA VANDANAGĀTHĀ

Vandāmi cetiyaṃ sabbaṃ Con xin thành kính làm lễ tất cả Bảo Tháp, Sabba-ṭṭhānesu patiṭṭhitaṃ Ngọc Xá-Lợi, đại thọ Bồ Đề và Kim thân Phật Sārīrika-dhātu mahābodhiṃ đã tạo thờ trong khắp mọi nơi. (3 lần) Buddha-rūpaṃ sakalaṃ sadā.

20. LỄ BÁI CHƯ PHẬT (09:14-11:26) SAMBUDDHE

1- Sambuddhe aṭṭhavīsañ ca 1- Con đem hết lòng thành kính, làm lễ 28 vị dvādasañ ca sahassake Chánh biến tri, 12 ngàn vị Chánh biến tri và 500 pañcasatasahassāni ngàn vị Chánh biến tri. Con đem hết lòng thành namāmi sirasā ahaṃ. kính, làm lễ Pháp bảo và Tăng bảo của các vị Tesaṃ dhammañca saṅghañca Chánh biến tri ấy. Do sự lễ bái cúng dường, xin ādarena namāmihaṃ nhờ oai lực các bậc Chánh biến tri mà những điều namakārānubhāvena rủi ro và sự tai hại thảy đều diệt tận. hantvā sabbe upaddave

anekā antarāyāpi vinassantu asesato.

2- Sambuddhe pañca 2- Con đem hết lòng thành kính làm lễ 55 vị paññāsañca Chánh biến tri, 24 ngàn vị Chánh biến tri và 1 catuvīsa tisahassake triệu vị Chánh biến tri. Con đem hết lòng thành dasasatasahassāni kính làm lễ Pháp bảo và Tăng bảo của các vị namāmi sirasā ahaṃ. Chánh biến tri ấy. Do sự lễ bái cúng dường, xin Tesaṃ dhammañca saṅghañca nhờ oai lực các bậc Chánh biến tri mà những điều ādarena namāmihaṃ rủi ro và sự tai hại thảy đều diệt tận. namakārānubhāvena hantvā sabbe upaddave anekā antarāyā pi vinassantu asesato.

3- Sambuddhe navuttarasate 3- Con đem hết lòng thành kính làm lễ 109 vị aṭṭhacattālīsasahassake Chánh biến tri, 48 ngàn vị Chánh biến tri và 2 vīsatisatasahassāni triệu vị Chánh biến tri. Con đem hết lòng thành namāmi sirasā ahaṃ. kính làm lễ pháp bảo và Tăng bảo của các vị Tesaṃ dhammañca saṅghañca

ādarena namāmihaṃ Chánh biến tri ấy. Do sự lễ bái cúng dường, xin namakārānubhāvena nhờ oai lực của bậc Chánh biến tri mà những điều hantvā sabbe upaddave rủi ro và sự tai hại thảy đều diệt tận. anekā antarāyā pi vinassantu asesato.

21. PHÉP THỌ TRÌ TAM QUY VÀ NGŨ GIỚI (11:28- 14:46)

Ukāsa ahaṃ (mayaṃ) bhante visuṃ visuṃ - Bạch ngài, con (chúng con) xin thọ trì Tam rakkhanatthāya tisaraṇena saha pañca sīlāni Quy và Ngũ giới nơi Tam Bảo để dâng giữ và yācāmi (ma). hành theo cho được sự lợi ích. Dutiyampi ahaṃ (mayaṃ) bhante visuṃ - Bạch Ngài, con (chúng con) xin thọ trì Tam visuṃ rakkhanatthāyā tisaraṇena saha pañca Quy và Ngũ Giới nơi Tam Bảo để dâng giữ và sīlāni yācāmi (ma). hành theo cho được sự lợi ích, lần thứ nhì. Tatiyampi ahaṃ (mayaṃ) bhante visuṃ - Bạch Ngài, con (chúng con) xin thọ trì Tam visuṃ rakkhanatthāya tisaraṇena saha pañca Quy và Ngũ Giới nơi Tam Bảo để dâng giữ và sīlāni yācāmi (ma). hành theo cho được sự lợi ích, lần thứ ba.

Namo tassa bhagavato arahato sammā- sambuddhassa. Con xin hết lòng thành kính làm lễ Đức Phá-gá- Namo tassa bhagavato arahato sammā- voa đó, Ngài là bậc Á-rá-hăng cao thượng được sambuddhassa. chứng quả Chánh Biến Tri do Ngài tự ngộ không Namo tassa bhagavato arahato sammā- thầy chỉ dạy. (3 lần) sambuddhassa.

Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật. Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp. Saṅghaṃ saraṇaṃ gachāmi. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng.

Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi. thứ nhì. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Dutiyampi Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Pháp, lần thứ nhì. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng lần thứ nhì.

Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi. thứ ba. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tatiyampi Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Pháp, lần thứ ba. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng lần thứ ba.

1. Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ 1. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự samādiyāmi. sát sinh. 2. Adinnādānā veramaṇī sikkhāpadaṃ 2. Con xin vâng giữ điều hoc là cố ý tránh xa sự samādiyāmi. trộm cắp. 3. Kāmesu micchācārā veramaṇī 3. Con xin vâng giữ điều hoc là cố ý tránh xa sự sikkhāpadaṃ samādiyāmi. tà dâm. 4. Musāvādā veramaṇī sikkhāpadaṃ 4. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự samādiyāmi. nói dối. 5. Surā-meraya-majja-ppamādaṭṭhānā 5. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi. dễ vui uống rượu và các chất say.

22. PHÉP THỌ BÁT QUAN TRAI GIỚI (14:49-19:15)

Ukāsa ahaṃ (mayaṃ) bhante visuṃ visuṃ - Bạch Ngài con (chúng con) xin thọ trì Tam quy rakkhanatthāya tisaraṇena saha aṭṭhaṅ- và Bát Quan Trai Giới để vâng giữ hành theo cho gasamannā-gataṃ uposathaṃ yācāmi (ma). được sự lợi ích.

Dutiyampi ahaṃ (mayaṃ) bhante visuṃ - Bạch Ngài con (chúng con) xin thọ trì Tam quy visuṃ rakkhanatthāya tisaraṇena saha và Bát Quan Trai Giới để vâng giữ hành theo cho aṭṭhaṅ-gasamannāgatam uposathaṃ yācāmi được sự lợi ích, lần thứ nhì. (ma). - Bạch Ngài con (chúng con) xin thọ trì Tam quy Tatiyampi ahaṃ (mayaṃ) bhante visuṃ và Bát Quan Trai Giới để vâng giữ hành theo cho visuṃ rakkhanatthāya tisaraṇena saha được sự lợi, ích lần thứ ba. aṭṭhaṅ-gasamannā-gatam uposathaṃ yācāmi (ma).

Namo tassa bhagavato arahato sammā- Con xin hết lòng thành kính làm lễ Đức Phá-gá-sambuddhassa. voa đó, Ngài là bậc Á-rá-hăng cao thượng được Namo tassa bhagavato arahato sammā- chứng quả Chánh Biến Tri do Ngài tự ngộ không sambuddhassa. thầy chỉ dạy. (3 lần) Namo tassa bhagavato arahato sammā- sambuddhassa.

Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật. Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp. Sanghaṃ saraṇaṃ gachāmi. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng.

Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi. thứ nhì. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Dutiyampi Sanghaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Pháp, lần thứ nhì. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng lần thứ nhì.

Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi. thứ ba. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tatiyampi Sanghaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Pháp, lần thứ ba. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng lần thứ ba.

1. Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṁ 1. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự samādiyāmi. sát sinh. 2. Adinnādānā veramaṇī sikkhāpadaṁ 2. Con xin vâng giữ điều hoc là cố ý tránh xa sự samādiyāmi. trộm cắp. 3. Abrahma-cariyā veramaṇī sikkhāpadaṁ 3. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự samādiyāmi. hành dâm. 4. Musāvādā veramaṇī sikkhāpadaṁ 4. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự samādiyāmi. nói dối. 5. Surā-meraya-majjap-pamādaṭṭhānā 5. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự veramaṇī sikkhāpadaṁ samādiyāmi. dể vui uống rượu và các chất say.

6. Vikāla-bhojanā veramaṇī sikkhāpadaṁ 6. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự samādiyāmi. ăn sái giờ. 7. Nacca-gīta-vādita-visūka-dassanā mālā- 7. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự gandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana- múa hát, thổi kèn, đờn, xem múa hát, nghe đàn, vibhūsanaṭṭhānā veramaṇī sikkhāpadaṁ kèn, trang điểm thoa vật thơm, dồi phấn và đeo samādiyāmi. tràng hoa. 8. Uccāsayana-mahāsayanā veramaṇī 8. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự sikkhāpadaṁ samādiyāmi. nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

Imaṃ aṭṭhangasamannāgataṃ Con xin thọ trì Bát Quan Trai Giới trọn đủ tám buddhappaññattaṃ uposathaṃ imañca điều của Đức Phật đã giáo truyền, hầu vâng giữ rattiṃ imañca divasaṃ sammadeva hành theo cho được trong sạch trọn ngày nay và abhirakkhituṃ samādiyāmi. đêm nay, mong cầu gieo được giống lành để thấy rõ Níp-bàn trong ngày vị lai.

23. RẢI TÂM TỪ (19:16-21:56) SABBADISASU METTĀPHARANAM

Sabbe puratthimāya disāya sattā averā sukhī Nguyện cho tất cả chúng sinh trong hướng đông, hontu. đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên Sabbe puratthimāya anudisāya sattā averā vui. sukhī hontu. Nguyện cho tất cả chúng sinh trong hướng đông Sabbe dakkhiṇāya disāya sattā averā sukhī nam, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự hontu. yên vui. Sabbe dakkhiṇāya anudisāya sattā averā Nguyện cho tất cả chúng sinh trong hướng nam, sukhī hontu. đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên Sabbe pacchimāya disāya sattāaverā sukhī vui. hontu. Nguyện cho tất cà chúng sinh trong hướng tây Sabbe pacchimāya anudisāya sattā averā nam, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sukhī hontu. sựyên vui. Sabbe uttarāya disāya sattā averā sukhī Nguyện cho tất cả chúng sinh trong hướng tây, hontu. đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên Sabbe uttarāya anudisāya sattā averā sukhī vui. hontu.

Sabbe uparimāya disāya sattā averā sukhī Nguyện cho tất cả chúng sinh trong hướng tây hontu. bắc, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự Sabbe hetthimāya disāya sattā averā sukhī yên vui. hontu. Nguyện cho tất cả chúng sinh trong hướng bắc, Sabbe sattā averā hontu, sukhita hontu, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên niddukkhā hontu, abyāpajjhā hontu, anīghā vui. hontu, dīghāyukā hontu, arogā hontu, Nguyện cho tất cả chúng sinh trong hướng đông sampatthīhi samijjhantu sukhī attānam bắc, đừng có oan tráI lẫn nhau, hãy cho được sự pariharantu, dukkhappattā ca niddukkhā, yên vui. bhayappattā ca nibbhayā, sokappattā ca Nguyện cho tất cả chúng sinh trong hướng trên, nissokā hontu sabbepi pāṇino. đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui. Nguyện cho tất cả chúng sinh trong hướng dưới, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui. Nguyện cho tất cả chúng sinh đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho đước sự yên vui, đừng có khổ, đừng làm lại lẫn nhau, đừng hẹp lượng, hãy cho được sống lâu, đừng có bệnh hoạn, hãy cho được thành tựu đầy đủ, hãy giữ mình cho được sự yên

vui. Tất cả chúng sinh đến khổ rồi, xin đừng cho có khổ, đến sự kinh sợ rồi, xin đừng cho có kinh sợ, đến sự thương tiếc rồi xin đừng cho thương tiếc.

24. HỒI HƯỚNG CHÚNG SINH (21:58- 23:13) TILOKAVIJAYARĀJAPATTIDĀNA GĀTHĀ

Yaṃ kiñci kusalaṃ kammaṃ Phước căn con đã tạo thành, Kattabbaṃ kiriyaṃ mama Do thân, khẩu, ý tu hành gieo nên. Kāyena vācāmanasā Đều là phước báo vững bền, Tidase sugataṃ kataṃ Có thể tiếp chúng độ lên thiên đàng. Ye sattā saññino atthi Cung trời Đạo Lợi thọ nhàn, Ye ca sattā asaññino Chúng sinh hữu tưởng nhân gian Sa bà. Kataṃ puññaphalaṃ mayhaṃ Chư Thiên, Phạm Thiên cùng là, Sabbe bhāgī bhavantu

te Bậc trời Vô Tưởng được mà hưởng an. Ye taṃ kataṃ suviditaṃ Phước con hồi hướng dâng ban, Dinnaṃ puññaphalaṃ mayā Chúng sinh hay biết hoàn toàn lãnh thâu. Ye ca tattha na jānanti Bằng ai chưa rõ lời cầu,

Devā gantvā nivedayuṃ Xin cùng Thiên chúng đến hầu mách ngay. Sabbe lokamhi ye sattā Có người làm phước được rày, Jīvantāhārahetukā Lại đêm hồi hướng hiện nay khắp cùng. Manuññaṃ bhojanaṃ Chúng sinh hoan hỷ lãnh chung, Sabbe labhantu mama cetasāti Hưởng được phước quí ung dung thanh nhàn. Chúng sinh thế giới các hàng, Bởi nhờ thọ thực sinh an mạng trường. Xin thâu phước báu cúng dường, Hoá thành thực phẩm mùi hương thoả lòng.

25. KỆ HỒI HƯỚNG ĐẾN CHƯ THIÊN (23:16-25:12) - PAṬIDĀNA GĀTHĀ

1. Yā Devatā santi-vihāra-vāsinī Ngưỡng cầu các đấng chư thiên Thūpe ghare bodhi ghare tahiṃ tahiṃ Trong vòng tịnh xá ngự yên hằng ngày Tā Dhamma-dānena bhavantu pūjitā Ngự nơi đền tháp xưa nay Sotthiṃ karonte'dha vihāra-maṇḍale. Những nơi biệt thất nơi cây Bồ đề Chúng con xin hội họp về 2. Therā ca majjhā navakā ca bhikkhavo Sẽ dùng pháp thí tiện bề cúng dâng Sārāmikā dānapatī upāsakā Rồi xin hộ độ chư Tăng

Gāmā ca desā nigamā ca issarā Cửa từ ẩn náu phước hằng hà sa Sappāna bhūtā sukhitā bhavantu te Tỳ-khưu chẳng luận trẻ, già Cao hạ, trung hạ hoặc là mới tu 3. Jalābujā ye'pi ca aṇḍa-sambhavā Thiện nam, tín nữ, công phu Saṃsedajā tā atha v'opapātikā Đều là thí chủ đồng phù trợ nhân Niyyānikaṃ Dhamma-varaṃ paṭicca te Những người trong khắp thôn lân Sabbe'pi dukkhassa karontu saṅkhayam. Kiều cư châu quận được phần an khương Chúng sinh bốn loại không lường 4. Thātu ciraṃ sataṃ Dhammo Noãn, thai, thấp, hóa khi nương pháp lành Dhamma-d-dharā ca puggalā Giải thoát, Pháp Bảo nên hành Saṅgho hotu samaggo va Đặng mà dứt khổ triền quanh đọa đầy Atthāya ca hitāya ca Cầu cho hưng thạnh lâu dài Pháp thiện trí thức các Ngài mở mang 5. Amhe rakkhantu saddhammo Bậc tu xin được bình an, Sabbe'pi Dhamma-cārino Cầu cho Tăng chúng các hàng hòa nhau. Vuddhiṃ sampāpuneyyāma Lại thêm phẩm hạnh thanh cao, Dhamm'āriya-ppavedite. Những quả lợi ích kết mau kịp thì. Cầu xin Pháp Bảo hộ trì Cho người tu đã qui y Phật rồi. Xin cho cả thảy chúng con,

Tấn hóa trong Pháp Phật roi giáo truyền.

26. HỒI HƯỚNG PHƯỚC ĐẾN THÂN QUYẾN (25:14-25:58)

Idaṃ no (vo) ñātīnaṃ hontu. Sukhitā hontu Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch làm ñātayo đây, xin hồi hướng đến thân bằng quyến thuộc đã Idaṃ no (vo) ñātīnaṃ hontu. Sukhitā hontu quá vãng, cầu mong cho các vị ấy được tái sinh về ñātayo nơi nhàn cảnh. (3 lần) Idaṃ no (vo) ñātīnaṃ hontu. Sukhitā hontu Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch làm ñātayo đây, xin hồi hướng đến thân bằng quyến thuộc trong hiện tại, cầu mong cho các vị ấy được sự Idaṃ vata me puññaṃ āsava-kkhayāv'ahaṃ hạnh phúc, yên vui lâu dài. (3 lần) hotu anāgate. Xin cho sự phước báu mà chúng con đã trong sạch làm đây, hãy là món duyên lành, để dứt khỏi

những điều ô nhiễm, ngủ ngầm nơi tâm trong ngày vị lai.

27. KINH TỪ BI (26:02-29:26) KARAṆĪYA METTĀ SUTTA

1. Karaṇīyam’attha-kusalena 1. Người hằng mong an tịnh Yaṃ taṃ santaṃ padaṃ abhisamecca Nên thể hiện Pháp lành Sakko ujū ca su-h-ujū ca Có khả năng, chất phác Suvaco c’assa mudu anatimānī. Ngay thẳng và nhu thuận Hiền hòa, không kiêu mạn. 2. Santussako ca subharo ca 2. Sống dễ dàng, tri túc Appa-kicco ca sallahuka-vutti Thanh đạm, không rộn ràng Sant’indriyo ca nipako ca Lục căn luôn trong sáng Appagabbho kulesu an-anugiddho. Trí tuệ càng hiển minh Chuyên cần, không quyến niệm. 3. Na ca khuddaṃ samācare kiñci 3. Không làm việc ác nhỏ Yena viññū pare upavadeyyuṃ Mà bậc trí hiền chê Sukhino vā khemino hontu Nguyện thái bình an lạc Sabbe sattā bhavantu sukhitattā. Nguyện tất cả sinh linh Tròn đầy muôn hạnh phúc. 4. Ye keci pāṇa-bhūt’atthi 4. Chúng sinh dù yếu, mạnh Tasā vā thāvarā va anavasesā Lớn, nhỏ, hoặc trung bình

Dīghā vā ye mahantā vā Thấp, cao, không đồng đẳng Majjhimā rassakā aṇuka-thūlā. Hết thảy chúng hữu tình Lòng từ không phân biệt. 5. Diṭṭhā vā ye va adiṭṭhā 5. Hữu hình, hoặc vô hình Ye ca dūre vasanti avidūre, Đã sinh, hoặc chưa sinh Bhūtā vā sambhavesī vā Gần, xa không kể xiết Sabbe sattā bhavantu sukhitattā. Nguyện tất cả sinh linh Tròn đầy muôn hạnh phúc. 6. Na paro paraṃ nikubbetha 6. Đừng lừa đảo lẫn nhau N’ātimaññetha katthacinaṃ kañci Chớ bất mãn điều gì Byārosanā paṭigha-saññā Đừng mong ai đau khổ N’aññam’aññassa dukkham’iccheyya. Vì tâm niệm sân si Hoặc vì nuôi oán tưởng. 7. Mātā yathā niyaṃ puttaṃ 7. Như mẹ giàu tình thương Āyusā eka-puttam’anurakkhe Suốt đời lo che chở Evam’pi sabba bhūtesu Đứa con một của mình Mānasaṃ bhāvaye aparimāṇaṃ. Hãy phát tâm vô lượng Cùng tất cả sinh linh. 8. Mettañca sabba lokasmiṃ 8. Từ bi gieo cùng khắp Mānasaṃ bhāvaye aparimāṇaṃ Cả thế gian khổ hải

Uddhaṃ adho ca tiriyañca Trên dưới và quanh mình Asambādhaṃ averaṃ asapattaṃ. Không hẹp hòi oan trái Không giận hờn oán thù. 9. Tiṭṭhaṃ caraṃ nisinno vā 9. Khi đi, đứng, ngồi, nằm Sayāno vā yāvat’assa vigatamiddho Bao giờ còn thức tỉnh Etaṃ satiṃ adhiṭṭheyya Giữ niệm từ bi này Brahmam’etaṃ vihāraṃ idham’āhu. Thân tâm thường thanh tịnh Phạm hạnh chính là đây. 10. Diṭṭhiñca anupagamma 10. Ai xả ly kiến thủ Sīlavā dassanena sampanno Giới hạnh được tựu thành Kāmesu vineyya gedhaṃ Chánh tri đều viên mãn Na hi jātu gabbha-seyyaṃ punaretī’ti. Không ái nhiễm dục trần Thoát ly đường sinh tử.

28. KỆ PHẬT LỰC THẮNG HẠNH (29:27- 33:23) BUDDHA JAYAMAṄGALA GĀTHĀ

1. Bāhuṃ sahassam’abhinimmita 1. Tích xưa dưới cội Bồ-đề sāyudh’antaṃ Đức Phật cảm thắng tứ bề ma quân Girimekhalaṃ udita ghora-sasena-māraṃ Ma Vương hung dữ bội phần

Dān’ādi dhamma-vidhinā jitavā Mun’indo Ngàn tay khí giới hiển thần, dương oai Taṃ tejasā bhavatu me (te) jaya-maṅgalāni. Cỡi trên Khá-lá thần voi Quân binh lớp lớp trong ngoài bao vây Hét như sấm động tầng mây Bồ-đoàn quyết chiếm tỏ bày hơn thua

Dùng pháp bố thí bờ kia Thế Tôn nhiếp độ ác tà ma vương Uy đức Phật Tổ vô lường Cầu cho hạnh phúc, an khương mọi nhà. 2. Mār'ātirekam-abhiyujjhita sabba rattiṃ 2. A-lá-vá-ká Dạ-xoa Ghoraṃ pan'āḷavaka makkham'ath'addha Hung tàn bạo ngược hơn là Ma Vương yakkhaṃ Tự phụ, ngang ngạnh phi thường Khantī sudanta-vidhinā jitavā Mun'indo Khoe tài, khoe lực kiên cường trọn đêm Taṃ tejasā bhavatu me (te) java-maṅgalāni. Thế Tôn nhẫn nhục như nhiên Dạ-xoa quy phục, nhu hiền từ đây Uy đức Phật Tổ cao dày Cầu cho hạnh phúc trổ đầy mười phương.

3. Nālāgiriṃ gaja-varaṃ ati-matta-bhūtaṃ 3. Na-la-gí-rí Tượng vương Dāv'aggi cakkam-asanī'va sudāruṇ'antaṃ Bị người phục rượu phát khùng, hóa điên

Mett'ambu-seka vidhinā jitavā Mun'indo Khủng khiếp lửa cháy, sấm rền

Taṃ tejasā bhavatu me (te) java-maṅgalāni. Luân xa, bảo khí rần rần thẳng xông

Từ bi rải khắp hư không

Thế Tôn chế ngự cuồng ngông voi này

Uy đức Phật Tổ tròn đầy

Cầu cho hạnh phúc hiển bày thế gian.

4. Ukkhitta-khaggam-atihaṭṭha su- 4. Ăng-gu-li tinh nhuệ ngang tàng dāruṇ'antaṃ Chém người lấy ngón tay làm tràng hoa Dhāvan tiyojana-path'Aṅgulimālavantaṃ Kẻ hung bạo tợ ác ma Iddhī'bhisaṅkhata-mano jitavā Mun'indo Cầm gươm giết Phật, rượt ba do-tuần Taṃ tejasā bhavatu me (te) java-maṅgalāni. Thế Tôn khai triển phép thần Độ tên hiếu sát thiện tâm quay về Uy đức vô thượng Bồ-đề Cầu cho hạnh phúc đề huề hằng sa.

5. Katvāna kaṭṭham'udaraṃ iva gabbhinīyā 5. Còn nàng mỹ nữ Chinh-cha Ciñcāya duṭṭha-vacanaṃ jana-kāya-majjhe Cây tròn độn bụng, giả là mang thai Santena somma-vidhinā jitavā Mun'indo Vu oan miệng tiếng Như Lai Taṃ tejasā bhavatu me (te) jaya-maṅgalāni. Ngài dùng Chánh Định nhiếp loài quỷ mưu

Uy đức Phật Tổ cao siêu Cầu cho hạnh phúc trăm điều thăng hoa.

6. Saccaṃ vihāyam-ati-Saccaka-vāda-ketuṃ 6. Kẻ ngoại đạo Xách-chá-ka Vād'ābhiropita-manaṃ ati-andha-bhūtaṃ Chối bỏ sự thật, ba hoa lắm điều Paññā-padīpa-jalito jitavā Mun'indo Ngã mạn, tự phụ, kênh kiêu Taṃ tejasā bhavatu me (te) jaya-maṅgalāni. Dựng cao cột phướng, trá điêu loè đời Mù lòa chẳng thấy mặt trời Phật dùng trí tuệ độ người cuồng si Uy đức Phật Tổ vô nghì Cầu cho hạnh phúc bảo trì gần xa.

7. Nandopananda-bhujagaṃvibuddhaṃ 7. Rồng Nanh-đô-pá-nanh-đa mah'iddhiṃ. Có đại thần lực, có tà kiến sai Puttena thera bhujagena dam'āpayanto Mục Liên tôn giả ra oai Iddh'ūpadesa-vidhinā jitavā Mun'indo Nghe lời Đức Phật thử tài Long vương Taṃ tejasā bhavatu me (te) java-maṅgalāni. Thần thông biến hóa khôn lường Thâu phục rồng dữ về nương pháp lành Uy đức Phật Tổ cao minh Cầu cho hạnh phúc phát sinh đến người.

8. Duggāha-diṭṭhi bhujagena sudaṭṭha- 8. Lại thêm Sắc giới cõi trời hatthaṃ Phạm thiên Bá-ká sáng ngời hào quang Brahmaṃ visuddhi-jutim-iddhi- Thần thông, đại lực phi phàm Bak'ābhidhānaṃ Tự cho cao thượng hơn hàng Thánh Tăng Ñāṇ'āgadena vidhinā jitavā Mun'indo Thuần tịnh, đức hạnh ai bằng Taṃ tejasā bhavatu me (te) jaya-maṅgalāni. Chấp ngã, chấp kiến tưởng rằng chánh tri Do nhờ Giác Tuệ diệu kỳ Thế Tôn bi mẫn độ vì Phạm thiên Uy đức Phật Tổ vô biên Cầu cho hạnh phúc khắp miền nhân gian.

9. Etāpi Buddha-jaya-maṅgala-aṭṭhagāthā 9. Những người hiền trí, thiện căn Yo vācano dina-dine sarate ma tandī Ngày đêm trì niệm tinh cần kệ ngôn Hitvāna neka-vividhāni c'upaddavāni Tám Phật Lực: Diệu Pháp môn Mokkhaṃ sukhaṃ adhigameyya naro Tán dương uy đức Thế Tôn đời đời sapañño. Nhân lành tránh khỏi nạn tai Phúc duyên tăng trưởng lâu dài về sau Tấn tu quả báu nhiệm mầu Viên thành chánh quả, ngõ hầu vô sinh.

29. KINH ĐIỀM LÀNH (33:24-37:26) MAṄGALASUTTAṂ

Evaṃ me sutaṃ: Ekaṃ samayaṃ Bhagavā Tôi đã nghe như vầy: Một thời đức Thế Tôn ngự Sāvatthiyaṃ viharati Jetavane Anāthapiṇḍi- tại Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông kassa Ārāme. Atha kho aññatarā devatā Anāthapiṇḍika. Khi ấy, lúc đêm đã khuya, một vị abhikkantāya rattiyā abhikkanta-vaṇṇā Thiên nhân nọ với màu sắc vượt trội đã làm cho kevala-kappaṃ Jetavanaṃ obhāsetvā yena toàn bộ Jetavana rực sáng rồi đã đi đến gặp đức Bhagavā ten'upasaṅkami, upasaṅkamitvā Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi Bhagavantaṃ abhivādetvā ekamantaṃ đứng ở một bên. Đứng ở một bên, vị Thiên nhân aṭṭhāsi. Ekamantaṃ ṭhitā kho sā devatā ấy đã bạch với đức Thế Tôn bằng lời kệ rằng: Bhagavantaṃ gāthāya ajjhabhāsi.

Bahū devā manussā ca Nhiều Thiên nhân và Người, Maṅgalāni acintayuṃ Suy nghĩ đến điềm lành, Ākaṅkhamānā soṭṭhānaṃ Mong ước và đợi chờ, Brūhi maṅgalam'uttamaṃ. Một nếp sống an toàn, Xin Ngài hãy nói lên Về điềm lành tối thượng.

1. Asevanā ca bālānaṃ 1. Không gần kẻ ngu si, Paṇḍitānañca sevanā Thân cận người hiền trí, Pūjā ca pūjanīyānaṃ Cúng dường bậc xứng đáng, Etaṃ maṅgalam'uttamaṃ. Là điềm lành tối thượng.

2. Paṭirūpa-desa-vāso ca 2. Ở trú xứ thích hợp, Pubbe ca kata-puññatā Công đức trước đã làm, Atta sammā paṇīdhi ca Chân chánh hướng tự tâm, Etaṃ maṅgalam'uttamaṃ. Là điềm lành tối thượng.

3. Bāhu-saccañca sippañca 3. Đa văn, nghề nghiệp giỏi, Vinayo ca susikkhito Thông suốt các luật nghi, Subhāsitā ca yā vācā Nói những lời chân thật, Etaṃ maṅgalam'uttamaṃ. Là điềm lành tối thượng.

4. Mātā-pitu upaṭṭhānaṃ 4. Hiếu thuận bậc sinh thành, Putta-dārassa saṅgaho Dưỡng dục vợ và con, Anākulā ca kammantā Sở hành theo nghiệp chánh,

Etaṃ maṅgalam'uttamaṃ. Là điềm lành tối thượng.

5. Dānañca dhamma-cariyā ca 5. Bố thí, hành đúng pháp, Ñātakānañca saṅgaho Giúp ích hàng quyến thuộc, Anavajjāni kammāni Giữ chánh mạng trong đời, Etaṃ maṅgalam’uttamaṃ. Là điềm lành tối thượng.

6. Āratī-viratī pāpā 6. Xả ly tâm niệm ác, Majja-pānā ca saññamo Chế ngự không say sưa, Appamādo ca dhammesu Không phóng dật trong pháp, Etaṃ mangalam’uttamaṃ. Là điềm lành tối thượng.

7. Gāravo ca nivāto ca 7. Đức cung kinh, khiêm nhường, Santuṭṭhī ca kataññutā Tri túc và Tri ân, Kālena dhamma-savanaṃ Đúng thời nghe chánh pháp, Etaṃ maṅgalam’uttamaṃ. Là điềm lành tối thượng.

8. Khantī ca sovacassatā 8. Nhẫn nại, lời nhu hòa, Samaṇānañca dassanaṃ Yết kiến bậc Sa-môn, Kālena Dhamma-sākacchā Tùy thời đàm luận pháp,

Etaṃ maṅgalam’uttamaṃ. Là điềm lành tối thượng.

9. Tapo ca brahma-cariyā ca 9. Tự chủ, sống Phạm hạnh, Ariya-saccāni dassanaṃ Thấy được lý Thánh đế, Nibbāna-sacchikiriyā ca Giác ngộ đại Niêt-bàn, Etaṃ maṅgalam’uttamaṃ. Là điềm lành tối thượng.

10. Phuṭṭhassa loka-dhammehi 10. Khi xúc chạm việc đời Cittaṃ yassa na kampati Tâm không động, không sầu, Asokaṃ, virajaṃ, khemaṃ Tự tại và vô nhiễm, Etaṃ maṅgalam’utamaṃ. Là điềm lành tối thượng.

11. Etādisāni katvāna 11. Những sở hành như vậy Sabbattham’aparājitā Không chỗ nào thối thất Sabbattha-sotthiṃ gacchanti taṃ Khắp nơi được an toàn Tesaṃ maṅgalam’uttaman’ti. Là điềm lành tối thượng.

30. KINH TAM BẢO (37:27-46:37)

(RATANA SUTTĀRAMBHO) (KỆ KHAI KINH) 1. Paṇidhānato patthāya Tathāgatassa dasa Đại Đức Ānandā pāramiyo dasa upapāramiyo dasa Đã phát tâm bi mẫn param’attha pāramiyo pañca mahā-pari-ccāge Hộ niệm suốt ba canh tisso cariyā pacchima-bbhave Ba vòng thành Vệ Xá gabbh’āvakkantiṃ jātiṃ abhinikkhamanaṃ Niệm tất cả ân Đức padhāna-cariyaṃ bodhi-pallaṅke māra- Của Như Lai đại nguyện vijayaṃ. Là mười ba la mật Mười thượng ba la mật 2. Sabb’aññuta-ñāṇa-ppaṭivedhaṃ nava Mười thắng ba la mật lok’uttara-dhamme’ti. Sabbe’pi me Buddha- Năm pháp đại xả thí guṇe āvajjitvā Vesāliyā tīsu Pākār’antaresu ti- Ba đại hạnh độ sinh yāma-rattiṃ parittaṃ karonto āyasmā Giáng trần trong kiếp chót Ānanda-thero viya kāruñña-cittaṃ Ra đời vườn Lâm Tỳ upaṭṭhapetvā. Xuất gia, tu khổ hạnh Rồi chiến thắng ma quân 3. Koṭi-sata-sahassesu cakkavāḷesu Devatā Ngộ nhất thiết liễu trí yassānaṃ paṭiggaṇhanti yañca Vesāliyaṃ Chứng chín pháp siêu phàm

pure rog’āmanussa dubbhikkha-sambhūtaṃ Chư Thiên khắp các cõi tividhaṃ khayaṃ khippam’antara-dhāpesi Mười muôn triệu thế giới parittaṃ taṃ bhaṇāma he. Đều hoan hỷ thọ lãnh

Uy lực kinh thọ trì
Và trong thành Xá Ly
Tất cả các bệnh hoạn
Đói khát cùng phi nhân
Thảy đều mau hóa giải
Chúng con nay hết lòng
Xin trì kinh hộ niệm.
(RATANA SUTTA)
1. Yān'īdha bhūtāni samāgatāni 1. Phàm chúng Thiên nhân nào
Bhummāni vā yāni'va antalikkhe Cư ngụ trên địa cầu
Sabbe'va bhūtā sumanā bhavantu Hoặc hư không trú xứ
Atho'pi sakkacca suṇantu bhāsitaṃ. Đã vân tập về đây
Xin mở lòng hoan hỷ
Lắng nghe lời dạy này.
2. Tasmā hi bhūtāni sametha sabbe 2. Tất cả chúng Thiên nhân Mettaṃ karotha mānusiyā pajāya Hãy đồng tâm hoan hỷ

Divā ca ratto ca haranti ye baliṃ Mở rộng tấm lòng từ
Tasmā hi ne rakkhatha appamattā. Luôn chuyên cần gia hộ
Những người nam nữ nào
Ngày đêm thường bố thí.
3. Yaṃ kiñci vittaṃ idha vā huraṃ vā 3. Phàm những tài sản gì
Saggesu vā yaṃ ratanaṃ paṇītaṃ Đời này hay đời sau
Na no samaṃ atthi Tathāgatena Hoặc châu báu thù thắng
Idam'pi Buddhe ratanaṃ paṇītaṃ. Hiện hữu trên cõi trời
Etena saccena suvatthi hotu. Không gì sánh bằng được
Với Thiện Thệ Như Lai
Như vậy chính Đức Phật
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chân hạnh phúc.
4. Khayaṃ virāgaṃ amataṃ paṇītaṃ 4. Ly dục diệt phiền não Yad' ajjhagā Sakyamunī samāhito Pháp bất tử thù diệu Na tena Dhammena sam'atthi kiñci Phật Thích Ca Mâu Ni

Idam'pi Dhamme ratanaṃ paṇītaṃ Đã chứng đắc tịch tịnh
Etena saccena suvatthi hotu. Chẳng pháp nào sánh bằng
Như vậy chính Pháp Bảo
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chân hạnh phúc.

5. Yaṃ Buddha-seṭṭho parivaṇṇayī suciṃ 5. Bậc Vô Thượng Chánh Giác Samādhim’ānantarik’aññam’āhu Hằng ca ngợi pháp thiền Samādhinā tena samo na vijjati Trong sạch, không gián đoạn Idam’pi Dhamme ratanaṃ paṇītaṃ Chẳng thiền nào sánh bằng Etena saccena suvatthi hotu. Như vậy chính Pháp Bảo Là châu báu thù diệu Mong với sự thật này Được sống chân hạnh phúc.

6. Ye puggalā aṭṭha sataṃ pasatthā 6. Thánh tám vị bốn đôi Cattāri etāni yugāni honti Được bậc thiện tán thán Te dakkhiṇeyyā Sugatassa Sāvakā Đệ tử Đấng Thiện Thệ Etesu dinnāni mahā-pphalāni Xứng đáng được cúng dường

Idam’pi Saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ Bố thí các vị ấy
Etena saccena suvatthi hotu. Được kết quả vô thượng
Như vậy chính Tăng Bảo
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chân hạnh phúc.

7. Ye su-ppayuttā manasā daḷhena 7. Thiện hạnh tâm kiên cố Nikkāmino Gotama-sāsanamhi Ly dục trong chánh đạo Te patti-pattā amataṃ vigayha Của Phật Gotama Laddhā mudhā nibbutiṃ bhuñjamānā Chứng nhập vị bất tử Idam’pi Saṅghe ratanaṃ panītaṃ Hưởng tịch tịnh dễ dàng Etena saccena suvatthi hotu. Như vậy chính Tăng Bảo Là châu báu thù diệu Mong với sự thật này Được sống chân hạnh phúc.

8. Yath’indakhīlo paṭhaviṃ sito siyā 8. Ví như cột trụ đá Catūbhi vātebhi asampakampiyo Khéo y cứ lòng đất Tath’ūpamaṃ sappurisaṃ vadāmi yo Dầu có gió bốn phương

Ariya-saccāni avecca-passati Cũng không hề lay động
Idam’pi Saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ Ta nói bậc chân nhân
Etena saccena suvatthi hotu. Liễu ngộ Tứ Thánh Đế
Cũng tự tại bất động
Trước tám pháp thế gian
Như vậy chính Tăng Bảo
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chân hạnh phúc.

9. Ye ariya-saccāni vibhāvayanti 9. Bậc thấu triệt Thánh Đế
Gambhīra paññena sudesitāni Đã được khéo thuyết giảng
Kiñc’āpi te honti bhusa-ppamattā Bởi trí tuệ uyên thâm
Na te bhavaṃ aṭṭhamam’ādiyanti Dù cho có phóng dật
Idam’pi Saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ Cũng không thể tái sinh
Etena saccena suvatthi hotu. Nhiều hơn trong bảy kiếp
Như vậy chính Tăng Bảo
Là châu báu thù diệu

Mong với sự thật này
Được sống chân hạnh phúc.
10. Sahāvassa dassanā-sampadāya 10. Những bậc kiến cụ túc Tayassu dhammā jahitā bhavanti Đoạn trừ ba kiến sử Sakkāya-diṭṭhi vicikicchitañca Là thân kiến, hoài nghi Sīlabbataṃ vā'pi yad'atthi kiñci Luôn cả giới cấm thủ Catūh'apāyehi ca vippamutto Thoát khỏi bốn đọa xứ Cha c'ābhiṭṭhānāni abhabbo kātuṃ Không làm sáu trọng tội Idam'pi Saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ Như vậy chính Tăng Bảo Etena saccena suvatthi hotu. Là châu báu thù diệu Mong với sự thật này Được sống chân hạnh phúc.

11. Kiñc'āpi so kammaṃ karoti pāpakaṃ 11. Dầu có làm tội gì Kāyena vācā uda cetasā vā Bằng thân, khẩu hoặc ý Abbhabbo so tassa paṭicchādāya Các ngài chẳng bao giờ Abhabbatā diṭṭha-padassa vuttā Che dấu điều đã phạm Idam'pi Saṅghe ratanam paṇītaṃ Bởi vì đức tánh này Etena saccena suvatthi hotu. Được gọi là "thấy pháp" Như vậy chính Tăng Bảo Là châu báu thù diệu

Mong với sự thật này Được sống chân hạnh phúc.

12. Vana-ppagumhe yathā bhussit'agge 12. Ví như cây trong rừng
Gimhāna-māse paṭhamasmiṃ gimhe Đâm chồi đầu mùa hạ
Tath'ūpamaṃ Dhamma-varaṃ adesayi Cũng vậy Đức Thế Tôn
Nibbāna-gāmiṃ paramaṃ hitāya Thuyết giảng pháp ưu việt
Idam'pi Buddhe ratanaṃ panītaṃ Dẫn đến ngộ Niết bàn
Etena saccena suvatthi hotu. Là lợi ích tối thượng
Như vậy chính Đức Phật
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chân hạnh phúc.
13. Varo var'aññū varado var'āharo 13. Đức Phật bậc vô thượng Anuttaro Dhamma-varaṃ adesayi Liễu thông pháp cao thượng Idam'pi Buddhe ratanaṃ paṇītaṃ Chứng đạt pháp tối thượng Etena saccena suvatthi hotu. Chuyển đạt pháp thắng thượng Như vậy chính Đức Phật Là châu báu thù diệu

Mong với sự thật này Được sống chân hạnh phúc.

14. Khīṇaṃ purāṇaṃ navaṃ n'atthi 14. Nghiệp cũ đã tiêu trừ sambhavaṃ, Nghiệp mới không phát khởi Virattacitt'āyatike bhavasmiṃ. Nhàm chán kiếp tái sinh Te khīṇa-bījā avirūḷhi chandā, Chủng tử dục đoạn tận Nibbanti dhīrā yathā yaṃ padīpo. Bậc trí chứng Niết bàn Idam'pi Saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ, Ví như lửa đèn tắt Etena saccena suvatthi hotu. Như vậy chính Tăng Bảo Là châu báu thù diệu Mong với sự thật này Được sống chân hạnh phúc.

15. Yān'īdha bhūtāni samāgatāni 15. Phàm chúng Thiên nhân nào
Bhummāni vā yāni'va antalikkhe Cư ngụ trên địa cầu
Tathāgataṃ Deva-manussa-pūjitaṃ Hoặc trú xứ hư không
Buddhaṃ namassāma suvatthi hotu. Đã vân tập về đây

Xin đồng tâm hoan hỷ
Thành kính đảnh lễ Phật
Đã như thật xuất hiện
Mà Chư Thiên, loài người
Thường cúng dường tôn trọng
Mong được sống an lành.
16. Yān'īdha bhūtāni samāgatāni 16. Phàm chúngThiên nhân nào
Bhummāni vā yāni'va antalikkhe Cư ngụ trên địa cầu
Tathāgataṃ Deva-manussa-pūjitaṃ Hoặc trú xứ hư không
Dhammaṃ namassāma suvatthi hotu. Đã vân tập về đây
Xin đồng tâm hoan hỷ
Thành kính đảnh lễ Pháp
Đã như thật xuất hiện
Mà Chư Thiên loài người
Thường cúng dường tôn trọng
Mong được sống an lành.
17. Yān'īdha bhūtāni samāgatāni 17. Phàm chúng Thiên nhân nào Bhummāni vā yāni'va antalikkhe Cự ngụ trên địa cầu Tathāgataṃ Deva-manussa-pūjitaṃ Hoặc trú xứ hư không Saṅghaṃ namassāma suvatthi hotu. Đã vân tập về đây

Xin đồng tâm hoan hỷ
Thành kính đảnh lễ Tăng
Đã như thật xuất hiện
Mà Chư Thiên, loài người
Thường cúng dường tôn trọng
Mong được sống an lành.
31. KỆ HỘ TRÌ TỐI THẮNG (46:41-48:16) JAYA PARITTA GĀTHĀ

1. Mahā-kāruṇiko nātho 1. Bậc Đại Bi cứu khổ Hitāya sabba pāṇinaṃ Vì lợi ích chúng sinh Pūretvā pāramī sabbā Tựu thành ba-la-mật Patto sambodhim-uttamaṃ Chứng Vô Thượng Chánh Giác Etena sacca-vajjena Do lời chân thật này Hotu te jaya-maṅgalaṃ. Nguyện cầu chân hạnh phúc.

2. Jayanto bodhiyā mūle 2. Nhờ chiến thắng ma vương Sakyānaṃ nandi-vaḍḍhano Trên bồ đoàn bất thối Evaṃ tvaṃ vijayo hoti Dưới cội cây bồ đề

Jayassu jaya-maṅgale. Địa cầu liên hoa đỉnh
Aparājita pallaṅke Mà dòng họ Thích ca
Sīse paṭhavi-pokkhare. Tăng trưởng niềm hoan hỷ
Như vậy hãy thắng mình
Mới là chân phúc hạnh.

3. Abhiseke sabba-Buddhānaṃ 3. Hoan hỷ cúng dường Phật Agga-ppatto pamodati Bậc Giác Ngộ nghiêm tôn Su-nakkhattaṃ su-maṅgalaṃ Hoặc kính hàng phạm hạnh Su-pabhātaṃ su-h-uṭṭhitaṃ Chính là sao tốt lành Su-khaṇo su-muhutto ca Là bình minh tươi sáng Su-yiṭṭhaṃ brahma-cārisu. Là khởi sự an toàn Là phút giây hoàn hảo.

4. Padakkhiṇaṃ kāya-kammaṃ 4. Nghiệp khẩu và nghiệp thân Vācā-kammaṃ padakkhiṇaṃ Nghiệp ý đều sung mãn Padakkhiṇaṃ mano-kammaṃ Là nguyện vọng nhiêu ích Paṇidhī te padakkhiṇā. Việc như vậy đã làm Padakkhiṇāni katvāna Được lợi ích sung mãn. Labhant'atthe padakkhiṇe.

32. KỆ HỘ TRÌ VÔ ÚY (48:18-50:23) ABHAYA PARITTA SUTTA

1. Yaṃ du-nnimittaṃ ava-maṅgalañca 1. Nhờ uy Đức Phật Bảo, Yo c'āmanāpo sakuṇassa saddo 2. Nhờ uy Đức Pháp Bảo Pāp'āgho du-ssupinaṃ akantaṃ 3. Nhờ uy Đức Tăng Bảo Buddh'ānubhāvena vinassamentu. Những hiện tượng chẳng lành Những gian nguy bất hạnh 2. Yaṃ du-nnimittaṃ ava-maṅgalañca Cầm thú hú thương tâm Yo c'āmanāpo sakuṇassa saddo Những hiện tượng bất thường Pāp'āgho du-ssupinaṃ akantaṃ Hoặc những điều bất mãn Dhamm'ānubhāvena vinassamentu. Thảy đều được tiêu tan.

3.Yaṃ du-nnimittaṃ ava-maṅgalañca
Yo c'āmanāpo sakuṇassa saddo
Pāp'āgho du-ssupinaṃ akantaṃ
Saṅgh'ānubhāvena vinassamentu.
4. Dukkha-ppattā ca ni-ddukkhā 4. Những khổ đau không khổ Bhaya-ppattā ca ni-bbhayā Những kinh sợ không kinh

Soka-ppattā ca ni-ssokā Những ưu phiền không ưu Hontu sabbe pi pāṇino. chúng sinh được như vậy.

5. Etā-vatā ca amhehi 5. Xin Chư Thiên hoan hỷ Sambhataṃ puñña-sampadaṃ Tất cả thành tựu này Sabbe dev'ānumodantu Là phước báu chúng tôi Sabba sampatti-siddhiyā. Đã tác thành như vậy.

6. Dānaṃ dadantu saddhāya 6. Xin mở lòng bố thí
Sīlaṃ rakkhantu sabbadā Giới hạnh thường nghiêm trì
Bhāvan'ābhiratā hontu Tinh tấn hành thiền định
Gacchantu Devat'āgatā. Chư Thiên đến rồi đi
Xin trọn niềm hoan hỷ.
7. Sabbe Buddhā bala-ppattā 7. Uy Đức đấng Toàn Tri Paccekānañca yaṃ balaṃ Uy Đức Chư Độc Giác Arahantānañca tejena Uy Đức các Thanh Văn Rakkhaṃ bandhāmi sabbaso. Con nguyền xin thủ hộ.

33. KỆ HỘ TRÌ ĀṬĀNĀṬIYA (50:29-51:43) ĀṬĀNĀṬIYA PARITTA GĀTHĀ

1. Sakkatvā Buddha-ratanaṃ 1. Tất cả điều nguy khốn Osadhaṃ uttamaṃ varaṃ Xin cho được tiêu tan Hītaṃ deva-manussānaṃ Những khổ não của người Buddha-tejena

sotthinā Cả thảy đều yên lặng. Nassant'upaddavā sabbe Nhờ uy Đức Chư Phật Dukkhā vūpasamentu te. Vì tôn kính Phật Bảo Như linh dược quý cao Nhân Thiên đều ích lợi.

2. Sakkatvā Dhamma-ratanaṃ 2. Tất cả điều nguy khốn Osadhaṃ uttamaṃ varaṃ Xin cho được tiêu tan Pariḷāh'upasamanaṃ Những lo sợ của người Dhamma-tejena sotthinā Cả thảy đều yên lặng Nassant'upaddavā sabbe Nhờ uy lực Diệu Pháp Bhayā vūpasamentu te. Vì tôn kính Pháp Bảo Như linh dược quý cao Lắng dịu điều phiền não.

3. Sakkatvā Saṅgha-ratanaṃ 3. Tất cả điều nguy khốn
Osadhaṃ uttamaṃ varaṃ Xin cho được tiêu tan
Āhuneyyaṃ pāhuneyyaṃ Những tật bệnh của người
Saṅgha-tejena sotthinā Cả thảy đều yên lặng
Nassant'upaddavā sabbe Nhờ uy Đức Chư Tăng
Rogā vūpasamentu te. Vì tôn kính Tăng Bảo
Như linh dược quý cao
Đáng cúng dường tôn trọng.
34. KỆ CHÂU BÁU (51:45-52:31)

1. Yaṃ kiñci ratanaṃ loke 1. Châu báu trên thế gian Vijjati vividhaṃ puthu Dù muôn hình muôn sắc Ratanaṃ Buddha-samaṃ n'atthi Không sánh bằng Phật Bảo Tasmā sotthī bhavantu te. Nguyện người được an lành.

2. Yaṃ kiñci ratanaṃ loke 2. Châu báu trên thế gian Vijjati vividhaṃ puthu Dù muôn hình muôn sắc Ratanaṃ Dhamma-samaṃ n'atthi Không sánh bằng Pháp Bảo

Tasmā sotthī bhavantu te. Nguyện người được an lành.

3. Yaṃ kiñci ratanaṃ loke 3. Châu báu trên thế gian Vijjati vividhaṃ puthu Dù muôn hình muôn sắc Ratanaṃ Saṅgha-samaṃ n'atthi Không sánh bằng Tăng Bảo Tasmā sotthī bhavantu te. Nguyện người được an lành.

35. CÁC KỆ ĐỘNG TÂM (52:33-57:18)

Aniccā vata saṅkhārā, Các pháp hữu vi thật không bền vững, Uppādavayadhammino, Nó có tánh sinh diệt là thường. Uppajjitvā nirujjhanti, Vì nhân sinh rồi diệt, diệt rồi sinh, nên thường Tesaṃ vūpasamo sukho. hay có sự khổ não. Chỉ có Niết-bàn là pháp tịch diệt, dứt các pháp Aniccā vata saṅkhārā, hữu vi ấy được, mới có sự an vui tuyệt đối. (3 lần) Uppādavayadhammino, Uppajjitvā nirujjhanti, Tesaṃ vūpasamo sukho.

Aniccā vata saṅkhārā,
Uppādavayadhammino,
Uppajjitvā nirujjhanti,
Tesaṃ vūpasamo sukho.
1) Na gāmadhammo nigamassa dhammo, 1) Pháp nào có tên gọi là "Vô thường", là pháp có Na cāpiyaṃ ekakulassa dhammo, trạng thái "thay đổi thông thường", pháp ấy Sabbassa lokassa sadevakassa, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong Eseva dhammo yadidaṃ aniccatā một xứ, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong

một xóm, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một gia tộc đâu. Pháp ấy để chung cho nhân loại, súc sinh, luôn đến Chư Thiên, Ma Vương và Phạm Thiên cả thảy.

2) Na gāmadhammo nigamassa dhammo, 2) Pháp nào có tên gọi là "Khổ não", là pháp có Na cāpiyaṃ ekakulassa dhammo, trạng thái "đau đớn buồn rầu", pháp ấy chẳng Sabbassa lokassa sadevakassa, phải chỉ để riêng cho ... Eseva dhammo yadidaṃ ca dukkhatā.

3) Na gāmadhammo nigamassa dhammo, 3) Pháp nào có tên gọi là "vô ngã", là pháp có Na cāpiyaṃ ekakulassa dhammo, trạng thái "không phải là của ta", pháp ấy chẳng Sabbassa lokassa sadevakassa, phải chỉ để riêng cho những người trong một xứ, Eseva dhammo yadidaṃ anattatā. chẳng phải chỉ để riêng cho ...

Aciraṃ vatayaṃ kāyo, Thân này chẳng bao lâu Paṭhaviṃ adhisessati, Nằm trơ trên mặt đất Chuddho apetaviññāṇo, Vô dụng xác không hồn Niratthaṃva kaliṅgaraṃ. Như gỗ mục vứt bỏ. (3 lần)

Aciraṃ vatayaṃ kāyo,
Paṭhaviṃ adhisessati,
Chuddho apetaviññāṇo,
Niratthaṃva kaliṅgaraṃ.
Aciraṃ vatayaṃ kāyo,
Paṭhaviṃ adhisessati,
Chuddho apetaviññāṇo,
Niratthaṃva kaliṅgaraṃ.
Āyu usmā ca viññāṇaṃ, Tuổi thọ, lửa, thức tâm Yadā kāyaṃ jahantimaṃ, Khi lìa bỏ thân người Apavittho tadā seti, Xác bỏ nằm trên đất Niratthaṃva kaliṅgaraṃ. Như gỗ mục bỏ đi.

Sabbe sattā marisanti, Tất cả chúng sinh
Maraṇantaṃ hi jīvitaṃ, Thảy đều sẽ chết
Yathākammaṃ gamissanti, Sự chết chính là
Puññapāpabhalūpagā, Tận cùng kiếp sống
Nirayaṃ pāpakammantā, Nghiệp dĩ thế nào
Puññakammā ca sugatiṃ, Sẽ đi như vậy
Tasmā kareyya kalyāṇaṃ, Tội phước ra sao
Nicayaṃ samparāyikaṃ, Đều mang hậu quả
Puññāni paralokasmiṃ, Nghiệp thiện cõi trời
Pattiṭṭhā honti pāṇiṇaṃ. Nghiệp ác địa ngục
Vậy hãy làm lành
Tích lũy đời sau
Vì phước nâng đỡ
Cho mọi chúng sinh

Trong đời mai hậu.

Sabbe saṅkhārā aniccāti, Khi trí tuệ quán chiếu Yadā paññāya passati, Thấy hữu vi vô thường Atha nibbindati dukkhe, Liền thoát ly khổ não Esa maggo visuddhiyā. Đó là thanh tịnh đạo.

Sabbe saṅkhārā dukkhāti, Khi trí tuệ quán chiếu Yadā paññāya passati, Thấy hữu vi khổ không Atha nibbindati dukkhe, Liền thoát ly khổ não Esa maggo visuddhiyā. Đó là thanh tịnh đạo.

Sabbe dhammā anattāti, Khi trí tuệ quán chiếu Yadā paññāya passati, Thấy pháp không phải ta Atha nibbindati dukkhe, Liền thoát ly khổ não Esa maggo visuddhiyā. Đó là thanh tịnh đạo.

Yama-purisā'pi ca taṃ upaṭṭhitā Thân như phiến lá vàng Uyyoga-mukkhe ca tiṭṭhati Bên bờ ranh cõi chết Pātheyyam'pi ca te na vijjati Tử thần đang chờ đợi

So karohi dīpaṃ attano Sao chưa có hành trang Khippaṃ vāyama paṇḍito bhava Hãy tự mình thắp đuốc Niddhanta-malo anaṅgano Bậc trí sớm tinh cần Dibbaṃ ariya-bhūmiṃ ehisi. Trong sạch, ly uế nhiễm Vào Thánh địa nhiệm mầu.

36. BA MƯƠI PHÁP BA LA MẬT (57:21- 01:01:18) TIDASA PĀRAMĪ

1. Itipi so bhagavā dāna-parāmī sampanno 1. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp bố thí ba-la- Itipi so bhagavā dāna-upa-pāramī sampanno mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp bố thí Itipi so bhagavā dāna-paramattha-pāramī thượng ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu sampanno. pháp bố thí thắng ba-la-mật.

2. Itipi so bhagavā sīla-pāramī sampanno 2. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp trì giới ba-la- Itipi so bhagavā sīla-upa-pāramī sampanno mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp trì giới Itipi so bhagavā sīla-paramattha-pāramī thượng ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu sampanno. pháp trì giới thắng ba-la-mật.

3. Itipi so bhagavā nekkhamma-pāramī 3. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp xuất gia ba-la- sampanno mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp xuất gia Itipi so bhagavā nekkhamma-upa-pāramī thượng ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu sampanno pháp xuất gia thắng ba-la-mật. Itipi so bhagavā nekkhamma-paramattha- pāramī sampanno.

4. Itipi so bhagavā paññā-pāramī sampanno 4. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp trí tuệ ba-la- Itipi so bhagavā paññā-upa-pāramī mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp trí tuệ sampanno thượng ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu Itipi so bhagavā paññā-paramattha-pāramī pháp trí tuệ thắng ba-la-mật. sampanno.

5. Itipi so bhagavā viriya-pāramī sampanno 5. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp tinh tấn ba-la- Itipi so bhagavā viriya-upa-pāramī sampanno mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp tinh tấn Itipi so bhagavā viriya-paramattha-pāramī thượng ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu sampanno. pháp tinh tấn thắng ba-la-mật.

6. Itipi so bhagavā khantī-pāramī sampanno 6. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp nhẫn nhục ba- la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp nhẫn

Itipi so bhagavā khantī-upa-pāramī nhục thượng ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành sampanno tựu pháp nhẫn nhục thắng ba-la-mật. Itipi so bhagavā khantī-paramattha-pāramī sampanno. 7. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp chân thật ba- 7. Itipi so bhagavā sacca-pāramī sampanno. la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp chân Itipi so bhagavā sacca-upa-pāramī sampanno thật thượng ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu Itipi so bhagavā sacca-paramattha-pāramī pháp chân thật thắng ba-la-mật. sampanno. 8. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp quyết định ba- 8. Itipi so bhagavā adhiṭṭhāna-pāramī la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp quyết sampanno định thượng ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành Itipi so bhagavā adhiṭṭhāna-upa-pāramī tựu pháp quyết định thắng ba-la-mật. sampanno Itipi so bhagavā adhiṭṭhāna-paramattha- pāramī sampanno. 9. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp tâm từ ba-la- 9. Itipi so bhagavā mettā-pāramī sampanno mật Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp tâm từ Itipi so bhagavā mettā-upa-pāramī sampanno thượng ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp tâm từ thắng ba-la-mật.

Itipi so bhagavā mettā-paramattha-pāramī sampanno.

10. Itipi so bhagavā upekkhā-pāramī 10. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp xả ba-la-mật. sampanno Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp xả thượng ba-la- Itipi so bhagavā upekkhā-upa-pāramī mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp xả thắng sampanno ba-la-mật. Itipi so bhagavā upekkhā-paramattha-pārami sampanno.

11. Itipi so bhagavā dasa-pāramī sampanno 11. Đức Thế Tôn đã thành tựu mười pháp ba-la- Itipi so bhagavā dasa-upa-pāramī sampanno mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu mười pháp Itipi so bhagavā dasa-paramattha-pāramī thượng ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu sampanno ti. mười pháp thắng ba-la-mật

37. THẬP NHỊ DUYÊN KHỞI (01:01:20- 01:04:17) PAṬṬICCA SAMUPPĀDA

Avijjā paccayā saṅkhārā Các hành khởi vì duyên vô minh. Saṅkhāra paccayā viññāṇaṃ Thức khởi vì duyên hành.

Viññāṇa paccayā nāma-rūpaṃ Danh sắc khởi vì duyên thức. Nāma-rūpa paccayā saḷ’āyatanaṃ Lục nhập khởi vì duyên danh sắc. Saḷ’āyatana paccayā phasso Xúc khởi vì duyên lục nhập. Phassa paccayā vedānā Thọ khởi vì duyên xúc. Vedanā paccayā taṇhā Ái khởi vì duyên thọ. Taṇhā paccayā upādānaṃ Thủ khởi vì duyên ái. Upādāna paccayā bhavo Hữu khởi vì duyên thủ. Bhava paccayā jāti Sinh khởi vì duyên hữu. Jāti paccayā jarā-maraṇaṃ Lão tử khởi vì duyên sinh.

Soka-parideva-dukkha-domanass’upāyāsā Sầu, bi, khổ, ưu, não cùng khởi vì duyên sinh. sambhavanti. Evam’etassa kevalassa dukkhakkhandhassa Toàn bộ khổ uẩn này đều tập khởi như vậy. samudayo hoti.

Avijjāya tv’eva asesa virāga nirodhā Các hành diệt là do hoàn toàn ly dục và diệt tận Saṅkhāra nirodho saṅkhāra nirodhā vô minh. Viññāṇa nirodho viññāna nirodhā Thức diệt do hành diệt. Nāma-rūpa nirodho nāma-rūpa nirodhā Danh sắc diệt do thức diệt. Saḷ’āyatana nirodho saḷ’āyatana nirodhā Lục nhập diệt do danh sắc diệt.

Phassa nirodho phassa nirodhā Xúc diệt do lục nhập diệt. Vedanā nirodho vedanā nirodhā Thọ diệt do xúc diệt. Taṇhā nirodho taṇhā nirodhā Ái diệt do thọ diệt Upādāna nirodho upādāna nirodhā Thủ diệt do ái diệt. Bhava nirodho bhava nirodhā Hữu diệt do thủ diệt. Jāti nirodho jāti nirodhā jarā-maraṇaṃ Sinh diệt do hữu diệt. Soka-parideva-dkkha-domanass'upāyāsā Lão tử diệt do sinh diệt. nirujjhanti. Sầu, bi, khổ, ưu, não cũng cùng diệt do sinh diệt.

Evam'etassa kevalassa dukkha-kkhandhassa Toàn bộ khổ uẩn này đều diệt tận như vậy. nirodho hoti.

38. MẪU ĐỀ TAM (01:04:20-01:10:00) TIMĀTIKĀ

Kusalā dhammā Pháp thiện Akusalā dhammā Pháp bất thiện Abyākatā dhammā. Pháp vô ký.

Sukhāya vedanāya sampayuttā dhammā Pháp tương ưng lạc thọ

Dukkhāya vedanāya sampayuttā dhammā Pháp tương ưng khổ thọ Adukkha-m-asukhāyavedanāya sampayuttā Pháp tương ưng vô khổ, vô lạc thọ. dhammā.

Vipākā dhammā Pháp dị thục Vipāka-dhamma-dhammā Pháp nhân dị thục Neva-vipāka-na-vipāka-dhamma-dhammā. Pháp phi dị thục, phi nhân dị thục.

Upādinn'upādāniyā dhammā Pháp dĩ thủ sở thủ An-upādinn'upādāniyā dhammā Pháp phi dĩ thủ sở thủ An-upādinn'ān-upādāniyā dhammā. Pháp phi dĩ thủ phi sở thủ.

Saṅkiliṭṭha-saṅkilesikā dhammā Pháp dĩ tạp nhiễm năng nhiễm Asaṅkiliṭṭha-saṅkilesikā dhammā Pháp phi dĩ tạp nhiễm năng nhiễm Asaṅkiliṭṭh'āsaṅkilesikā dhammā. Pháp phi dĩ tạp nhiễm phi năng nhiễm.

Savitakka-savicārā dhammā Pháp hữu tầm hữu tứ Avitakka-vicāramattā dhammā Pháp vô tầm hữu tứ Avitakk'āvicārā dhammā. Pháp vô tầm vô tứ.

Pīti-sahagatā dhammā Pháp câu hữu hỷ Sukha-sahagatā dhammā Pháp câu hữu lạc Upekkhā-sahagatā dhammā. Pháp câu hữu xả.

Dassanena pahātabbā dhammā Pháp tri kiến đoạn trừ Bhāvanāya pahātabbā dhammā Pháp tu tập đoạn trừ Neva dassanena na bhavānāya pahātabbā Pháp phi tri kiến, phi tu tập đoạn trừ. dhammā.

Dassanena pahātabbā hetukā dhammā Pháp hữu nhân do tri kiến đoạn trừ Bhāvanāya pahātabbā hetukā dhammā Pháp hữu nhân do tu tập đoạn trừ Neva dassanena na bhavānāya pahātabbā Pháp hữu nhân không do tri kiến lẫn tu tập đoạn hetukā dhammā. trừ.

Ācaya-gāmino dhammā Pháp tích tập Apacaya-gāmino dhammā Pháp đoạn giảm Nev'ācaya-gāmino n'āpacaya-gāmino Pháp không tích tập không đoạn giảm. dhammā.

Sekkhā dhammā Pháp hữu học

Asekkhā dhammā Pháp vô học Neva-sekkhā n'āsekkhā dhammā. Pháp phi hữu học phi vô học.

Parittā dhammā Pháp hy thiểu Mahaggatā dhammā Pháp đại hành Appamānā dhammā. Pháp vô lượng.

Paritt'ārammaṇā dhammā Pháp có cảnh hy thiểu Mahaggat'ārammaṇā dhammā Pháp có cảnh đại hành Appamān'ārammaṇā dhammā. Pháp có cảnh vô lượng.

Hīnā dhammā Pháp ty hạ Majjhimā dhammā Pháp trung bình Paṇītā dhammā. Pháp thắng diệu.

Micchatta-niyatā dhammā Pháp tà cố định Samatta-niyatā dhammā Pháp chánh cố định Aniyatā dhammā. Pháp bất định.

Magg'ārammaṇā dhammā Pháp có đạo là cảnh (sở duyên)

Magga-hetukā dhammā Pháp có đạo là nhân Magg'ādhipatino dhammā. Pháp có đạo là tăng thượng.

Uppannā dhammā Pháp dĩ sinh An-uppannā dhammā Pháp vị sinh Uppātino dhammā. Pháp đương sinh.

Atītā dhammā Pháp quá khứ Anāgatā dhammā Pháp vị lai Paccuppannā dhammā. Pháp hiện tại.

Atit'ārammaṇā dhammā Pháp cảnh quá khứ Anāgat'ārammaṇā dhammā Pháp cảnh vị lai Paccuppann'ārammaṇā dhammā. Pháp cảnh hiện tại.

Ajjhattā dhammā Pháp nội phần Bahiddhā dhammā Pháp ngoại phần Ajjhatta-bahiddhā dhammā. Pháp nội ngoại phần.

Ajjhatt'ārammaṇā dhammā Pháp cảnh nội phần

Bahiddh'ārammaṇā dhammā Pháp cảnh ngoại phần Ajjhatta-bahiddh'ārammaṇā dhammā. Pháp cảnh nội ngoại phần.

Sa-nidassana-sa-ppaṭighā dhammā Pháp hữu kiến hữu đối A-nidassana-sa-ppaṭighā dhammā Pháp vô kiến hữu đối Anidassan'appaṭighā dhammā. Pháp vô kiến vô đối.

Bāvīsati-tika-mātikā dhamma-saṅgani- Hai mươi hai mẫu đề tổng hợp toàn bộ danh pháp. pakaranaṃ nāma samattaṃ.

39. KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN (01:10:02- 01:20:32) DHAMMACAKKAPPAVATTANA SUTTA

(UYYOJANA GĀTHĀ) (KỆ KHAI KINH) Bhikkhūnaṃ pañcavaggīnaṃ, Do vị Đại Phạm Thiên tên là Sahampati thỉnh Isipatananāmake cầu, Đức Phật đã thuyết pháp cao thượng, giảng Migadāye Dhammavaraṃ, yaṃ taṃ giải về Tứ Thánh Đế – pháp dẫn đến sự chứng Nibbānapāpakaṃ ngộ Niết-bàn. Đức Phật thuyết bài kinh này ở Sahampatināmakena, Mahābrahmena yācito Benares, tại vườn nai Isipatana cho nhóm năm tỳ

Catusaccaṃ pakāsento, lokanātho adesayi khưu. Tất cả Chư Thiên, Phạm Thiên vô cùng Nanditaṃ sabba devehi, hoan hỷ. Bài kinh này đem lại nhiều thành tựu sabbasampattisādhakaṃ cho thế gian và siêu thế giới. Maggaphalasukhatthāya, Dhammacakkaṃ Kính bạch chư hiền giả, vì muốn đem lại lợi ích và bhanāma he! sự chứng ngộ đạo quả cho tất cả chúng sinh, nay chúng tôi sẽ tụng bài kinh Chuyển Pháp Luân ấy.

1. Evaṃ me sutaṃ - ekaṃ samayaṃ Bhagavā 1. Như vầy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở Bārāṇasiyaṃ viharati Isipatane migadāye. Benares, tại vườn nai Isipatana. Tại đấy, Thế Tôn Tatra kho Bhagavā pañcavaggiye bhikkhū bảo chúng năm tỳ khưu: āmantesi. Có hai cực đoan này, này các tỳ khưu, một người Dve me bhikkhave antā pabbajitena na xuất gia không nên thực hành theo. Thế nào là sevitabbā. Katame dve? hai? Yo cāyaṃ kāmesu kāmasukhallikānuyogo, Một là đắm say trong các dục, hạ liệt, đê tiện, hīno, gammo, pothujjaniko, anariyo, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ anatthasaṃhito. đến mục đích. Hai là tự hành khổ mình, khổ đau, Yo cāyaṃ attakilamathānuyogo dukkho, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục anariyo, anatthasaṃhito. đích. Ete kho bhikkhave ubho ante anupagamma Tránh xa hai cực đoan này, này các tỳ khưu, là majjhimā paṭippadā Tathāgatena con đường Trung đạo, do Như Lai chánh giác, tác

abhisambuddhā cakkhu-karaṇī ñāṇa-karaṇī thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng upasamāya abhiññāya sambodhāya trí, giác ngộ, Niết-bàn. nibbānāya saṃvattati.

2. Katamā ca sā bhikkhave majjhimā paṭipadā 2. Và thế nào là con đường Trung đạo, này các tỳ Tathāgatena abhisambuddhā cakkhu-karaṇī khưu, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác ñāṇa-karaṇī upasamāya abhiññāya thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, sambodhāya nibbānāya saṃvattati? Niết-bàn? Chính là con đường Thánh đạo Tám Ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo. ngành, tức là: chánh kiến, chánh tư duy, chánh Seyyathidaṃ? Sammādiṭṭhi, ammāsaṅkappo, ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, sammāvācā, sammākammanto, sammā-ājīvo, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường trung sammāvāyāmo, sammāsati, sammāsamādhi. đạo, này các tỳ khưu, do Như Lai chánh giác, tác Ayaṃ kho sā bhikkhave majjhimā paṭipadā thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng Tathāgatena abhisambuddhā cakkhu-karaṇī trí, giác ngộ, Niết-bàn. ñāṇa-karaṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.

3. Idaṃ kho pana bhikkhave dukkhaṃ 3. Đây là Thánh đế về Khổ, này các tỳ khưu. ariyasaccaṃ, jātipi dukkhā, jarāpi dukkhā, Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, byādhipi dukkhā, maraṇampi dukkhaṃ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ,

appiyehi sampayogo dukkho, piyehi ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, vippayogo dukkho, yaṃ picchaṃ na labhati năm thủ uẩn là khổ. taṃ pi dukkhaṃ, saṅkhittena pañcupādānakkhandhā pi dukkhā.

4. Idaṃ kho pana bhikkhave 4. Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các tỳ khưu, dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ, yāyaṃ chính là ái này đưa đến tái sinh, câu hữu với hỷ taṇhā ponobbhavikā nandīrāga-sahagatā và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là tatra tar’ābhinandinī. Seyyathidaṃ, dục ái, hữu ái, phi hữu ái. kāmataṇhā, bhavataṇhā, vibhavataṇhā.

5. Idaṃ kho pana bhikkhave 5. Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các tỳ khưu, dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ, yo tassāyeva chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát taṇhāya asesavirāga-nirodho cāgo ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có paṭinissaggo mutti anālayo. chấp trước.

6. Idaṃ kho pana bhikkhave dukkha 6. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ nirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ. diệt, này các tỳ khưu, chính là con đường Thánh Ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo. đạo Tám ngành, tức là chánh kiến, chánh tư duy, Seyyathidam, sammādiṭṭhi, sammāsaṅkappo,

sammāvācā, sammākammanto, sammā-ājīvo, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh sammāvāyāmo, sammāsati, sammāsamādhi. tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

7. Idaṃ dukkhaṃ ariyasaccan’ti me 7. Đây là Thánh đế về Khổ, này các tỳ khưu, đối bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, cakkhuṃ. udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi. sinh. Đây là Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri, Taṃ kho pan’idaṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ này các tỳ khưu, đối với các pháp, từ trước Ta pariññeyyan’ti me bhikkhave pubbe chưa từng nghe, nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, minh sinh, quang sinh. Đây là Thánh đế về Khổ ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā đã được liễu tri, này các tỳ khưu, đối với các pháp udapādi, āloko udapādi. từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sinh, trí Taṃ kho pan’idaṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang sinh. pariññātan'ti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.

8. Idaṃ dukkhasamudayaṃ ariyasaccan’ ti 8. Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các tỳ khưu, me bhikkhave pubbe ananussutesu đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe,

dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko sinh. Đây là Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn udapādi. tận, này các tỳ khưu, đối với các pháp từ trước Taṃ kho pan’idaṃ dukkhasamudayaṃ Ta chưa từng được nghe, nhãn sinh, trí sinh, tuệ ariyasaccaṃ pahātabban’ti me bhikkhave sinh, minh sinh, quang sinh. Đây là Thánh đế về pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ Khổ tập đã được đoạn tận, này các tỳ khưu, đối udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, vijjā udapādi, āloko udapādi. nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang Taṃ kho pan’idaṃ dukkhasamudayaṃ sinh. ariyasaccaṃ pahīnan’ti me bhikkhave pubbe ananusstesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā

udapādi, āloko udapādi.

9. Idaṃ dukkhanirodhaṃ ariyasaccan’ti me 9. Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các tỳ khưu, bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi. sinh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng Taṃ kho pan’idaṃ dukkhanirodhaṃ ngộ, này các tỳ khưu, đối với các pháp từ trước ariyasaccaṃ sacchikātabban’ti me bhikkhave Ta chưa từng được nghe, nhãn sinh, trí sinh, tuệ

pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ sinh, minh sinh, quang sinh. Đây là Thánh đế về udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, Khổ diệt đã được chứng ngộ, này các tỳ khưu, đối vijjā udapādi, āloko udapādi. với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, Taṃ kho pan’idaṃ dukkhanirodhaṃ nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang ariyasaccaṃ sacchikātan’ti me bhikkhave sinh. pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.

10. Idaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā 10. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ ariyasaccan’ti me bhikkhave pubbe diệt, này các tỳ khưu, đối với các pháp từ trước ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, Ta chưa từng được nghe, nhãn sinh, trí sinh, tuệ ñāṇam udapādi, paññā udapādi, vijjā sinh, minh sinh, quang sinh. Đây là Thánh đế về udapādi, āloko udapādi. Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập, này Taṃ kho pan’idaṃ dukkhanirodhagāminī các tỳ khưu, đối với các pháp từ trước Ta chưa paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvetabban’ti me từng được nghe, nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu minh sinh, quang sinh. Đây là Thánh đế về Con cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā Đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập, này các udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi. tỳ khưu, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng

Taṃ kho pan’idaṃ dukkhanirodhagāminī được nghe, nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvitan’ti me sinh, quang sinh. bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇam udapādi, paịnā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.

11. Yāvakīvañca me bhikkhave imesu catūsu 11. Cho đến khi nào, này các tỳ khưu, trong bốn ariyasaccesu evaṃ Tiparivaṭṭaṃ Thánh đế này, với ba chuyển và mười hai hành dvādasākāraṃ yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ tướng như vậy, tri kiến như thật không khéo na suvisuddhaṃ ahosi, neva tāv’āhaṃ thanh tịnh ở nơi Ta; thời này các tỳ khưu, cho bhikkhave sadevake loke samārake đến khi ấy, trong thế giới này với Thiên giới, Ma sabrahmake sassamaṇabrahmaniyā pajāya giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, devamanussāya “anuttanaṃ sammā- Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không sambodhiṃ abhisambuddho” ti paccaññāsiṃ. chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác.

12. Yato ca kho me bhikkhave imesu catūsu 12. Và cho đến khi nào, này các tỳ khưu, trong ariyasaccesu evaṃ Tiparivaṭṭaṃ bốn Thánh đến này, với ba chuyển và mười hai

dvādasākāraṃ yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ hành tướng như vậy, tri kiến như thật đã được suvisuddhaṃ ahosi, ath'āhaṃ bhikkhave khéo thanh tịnh ở nơi Ta; cho đến khi ấy, này các

sadevake loke samārake sabrahmake tỳ khưu, trong thế giới này với Thiên giới, Ma sassamaṇabrahmaṇiyā pajāya giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, devamanussāya "anuttaraṃ sammā Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta mới sambodhiṃ abhisambuddho" ti paccaññāsiṃ. chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Ñaṇañca pana me dassanaṃ udapādi Giác. Tri kiến khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm "akuppā me vimutti, ayam'antimā jāti, giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay natthi'dāni punabbhavoti". không còn tái sinh nữa".

13. Idam'avoca Bhagavā attamanā 13. Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Chúng năm pañcavaggiyā bhikkhū Bhagavato bhāsitaṃ Tỷ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Phật dạy. Trong khi abhinandun'ti. lời dạy này được tuyên bố, Tôn giả Kondanna Imasmiñca pana veyyākaraṇasmiṃ khởi lên pháp nhãn thanh tịnh, không cấu uế như bhaññamāne āyasmato Koṇḍaññassa virajaṃ sau: "Phàm vật gì được tập khởi, tất cả pháp ấy vītamalaṃ dhammacakkhuṃ udapādi "yaṃ cũng bị đoạn diệt". kiñci samudayadhammaṃ sabbantaṃ nirodhadhamman" ti.

14. Pavattite ca pana Bhagavatā 14. Và khi Pháp luân này được Thế Tôn chuyển dhammacakke bhummā devā vận như vậy, chư Thiên cõi đất này lớn tiếng nói saddamanussāvesuṃ "etaṃ Bhagavatā lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thế

Bārāṇasiyaṃ Isipatane migadāye anuttaraṃ Tôn ở Benares, tại vườn nai Isipatana, chuyển dhammacakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ vận một Pháp luân chưa từng được ai chuyển samaṇena vā brahmaṇena vā devena vā vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, mārena vā brahmuna vā kenaci vā Phạm thiên, hay bất cứ một ai ở đời". lokasmin'ti."

Bhummānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā cātu- Sau khi được nghe tiếng của chư Thiên ở Tứ đại mahārājikā devā saddamanussāvesuṃ ... Thiên vương thiên, thời chư Thiên ở cõi trời Ba Cātumahārājikānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā mươi ba... chư Thiên Yāmā... chư Thiên Tusitā... Tāvatiṃsā devā ... Yāmā devā ... Tusitā devā chư Hóa lạc thiên... chư Tha hóa tự tại thiên... ... Nimmānaratī devā ... Paranimmitavasa- chư Thiên ở Phạm thiên giới lớn tiếng nói lên: vattī devā ... Brahmakāyikā devā sadda- "Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở manussāvesuṃ: "etaṃ bhagavatā bārāṇasi- Benares, tại vườn nai Isipatana, chuyển vận một yaṃ isipatane migadāye anuttaraṃ dhamma- Pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa- cakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇena môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm vā brāhmaṇena vā devena vā mārena vā thiên, hay bất cứ một ai ở đời". brahmunā vā kenaci vā lokasmin"ti.

Itiha tena khaṇena tena layena tena Như vậy, trong sát-na ấy, trong khoảnh khắc ấy, muhuttena yāva brahmalokā saddo trong giây phút ấy, tiếng ấy lên đến Phạm thiên

abbuggacchi ayañca dasasahassī lokadhātu giới. Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung saṅkampi sampakampi sampavedhi. động, chuyển động mạnh. Và một hào quang

vô Appamāṇo ca uḷāro obhāso loke Pāturahosi lượng, quảng đại phát chiếu ra ở đời, vượt quá uy atikkamma devānaṃ devanubhāvanti. lực chư Thiên.

Atha kho Bhagavā imaṃ udānaṃ udānesi Rồi Thế Tôn thốt lên lời cảm hứng sau đây: "Chắc “Aññāsi vata bho Koṇḍañño, aññāsi vata bho chắn đã giác hiểu là Koṇḍañña (Kiều-trần-như)! Koṇḍañño” ti. Chắc chắn đã giác hiểu là Koṇḍañña!"

Iti hidaṃ āyasmato Koṇḍaññassa “Aññāsi Như vậy Tôn giả Koṇḍañña được tên là Aññāsi Koṇḍañño' tveva nāmaṃ ahosī” ti. Koṇḍañña (A-nhã Kiều-trần-như).

15. Atha kho āyasmā Aññāsi Koṇḍañño 15. Sau đó, khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu diṭṭha-dhammo patta-dhammo vidita- được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần dhammo pariyogḷha-dhammo tiṇṇa- Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt vicikiccho vigata kathaṃ katho vesārajjapatto hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của aparapaccayo satthu sāsane Bhagavantaṃ bậc Đạo Sư, không còn cần sự trợ duyên của etadavoca: “Labheyy’āhaṃ bhante Bhagavato người khác, đại đức Aññāsi Koṇḍañña bạch đức santike pabbajjaṃ, labheyyaṃ Thế Tôn rằng: “Bạch Thế Tôn, xin cho con xuất upasampadan” ti. gia trong sự hiện diện của Ngài”

“Ehi bhikkhū” ti Bhagavā avoca “Svākkhāto Đức Thế Tôn nói rằng: “Này tỳ khưu, hãy đến dhammo cara brahmacariya sammā đây. Pháp đã được khéo thuyết giảng, hãy thực dukkhassa antakiriyāya” ti sāva tassa hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt āyasmato upasampadā ahosi. khổ đau.” Chính lời này là sự xuất gia của đại đức ấy.

Dhammacakkappavattanasuttaṃ niṭṭhitaṃ. Chấm dứt bài kinh Chuyển Pháp Luân.

40. KỆ BỐ CÁO CHO THÍ CHỦ HOAN HỶ (01:20:35-01: 21:56) ANUMODANĀRAMBHA GĀTHĀ

Yathā vārivāhā pūrā Các con đường nước đầy đủ, nhứt là sông và rạch Paripūrenti sāgaraṃ làm cho biển được đầy đủ, cũng như sự bố thí mà Evam’eva ito dinnaṃ thí chủ đã làm trong lúc hiện tại đây, cầu xin cho Petānaṃ upakappati đặng kết quả đến những người đã quá vãng. Cầu Icchitaṃ patthitaṃ tumhaṃ xin các quả lành mà người đã mong mỏi, cho được Khippam’eva samijjhatu mau thành tựu kịp thời đến người. Cầu xin những Sabbe pūrentu saṅkappā sự suy xét chân chánh cho được tròn đủ đến Cando paṇṇaraso yathā người, như trăng trong ngày Rằm. (Bằng chẳng

Maṇi-joti-raso yathā. vậy) cũng như ngọc Ma-ni chiếu sáng rỡ ràng, là ngọc quý báu, có thể làm cho tất cả sự ước ao của người đều được như nguyện.

(SĀMAÑÑĀNUMODANĀ GĀTHĀ) Sabb’ītiyo vivajjantu Cầu xin cho tất cả sự rủi ro của người đều được Sabba rogo vinassatu xa lánh. Cầu xin cho tất cả tật bệnh của người Mā te bhavatv’antarāyo đều được dứt khỏi. Sự tai hại cũng chẳng có đến Sukhī dīgh’āyuko bhava cho người. Cầu xin cho người được sự an vui Abhivādana-sīlissa trường thọ. Cả bốn Pháp chúc mừng là: Sống lâu, Niccaṃ vuddh’āpacāyino Sắc đẹp, An vui, Sức mạnh, hằng thêm đến Cattāro dhammā vaḍḍhanti người, là người năng nghiêng mình lễ bái, cúng Āyu, vaṇṇo, sukhaṃ, balaṃ. dường đến Tam Bảo và có lòng

tôn kính các bậc tu hành tinh tấn, nhứt là bậc trì giới, và bậc Trưởng lão.

41. KỆ ĐIỀM LÀNH VŨ TRỤ (01:22:00- 01:24:13) CULLA MAṆGALACAKKAVĀḶA

Sabbabuddh'ānubhāvena, Sabbadhamm'ānubhāvena, Do nhờ đức của chư Phật, do nhờ đức của chư Sabbasaṅgh'ānubhāvena, Pháp, do nhờ đức của Chư Tăng, do nhờ đức của Buddharatanaṃ, Dhammaratanaṃ, Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, do nhờ đức của 8 Saṅgharatanaṃ, Tiṇṇaṃ ratanānaṃ vạn 4 ngàn pháp uẩn, do nhờ đức của Tam tạng, ānubhāvena, do nhờ đức của chư Thinh Văn đệ tử Phật, Caturāsīti-sahassa Dhammakkhandh'ānubhāvena Tất cả các tật bệnh của người. Piṭakattay'ānubhāvena, Tất cả sự lo sợ của người. Jinasāvak'ānubhāvena Tất cả sự tai hại của người. Sabbe te rogā, sabbe te bhayā, sabbe te Tất cả sự khó chịu của người. antarāyā Tất cả điều mộng mị xấu xa của người. Sabbe te upaddavā, sabbe te dunnimittā, Tất cả điều chẳng lành của người. Sabbe te avamaṅgalā vinassantu. Cầu xin cho được tiêu diệt.

Āyu-vaḍḍhako, dhana-vaḍḍhako, siri- Sự sống lâu, sự tấn tài, sự thạnh lợi, sự sang cả, vaḍḍhako, yasa vaḍḍhako, bala-vaḍḍhako, sự mạnh khỏe, sự sắc đẹp, sự an vui. Cầu xin vaṇṇa-vaḍḍhako, sukha-vaḍḍhako, hotu hằng đến cho người. sabbadā. Tất cả sự khổ não, tật bệnh, lo sợ hoặc Dukkha-roga-bhayā-verā-sokā-sattu điều oan kết. Hoặc tất cả sự uất ức, các cảnh c'upaddavā, anekā antarāyā'pi vinassantu ca nghịch hoặc sự khó chịu. Hoặc nhiều sự tai hại. tejasā. Cầu xin cho được tiêu diệt.

Jaya, siddhi,dhanaṃ, lābhaṃ, sotthi, Sự vinh hiển, sự phát tài, sự phát lợi. Hoặc sự bhāgyaṃ, sukhaṃ, balaṃ, siri, āyu ca vaṇṇo thạnh lợi phong lưu, sự an vui hoặc sức mạnh. Sự ca bhogaṃ, vuḍḍhī ca yasavā, satavassā ca phước lợi, sự sống lâu, sự sắc đẹp. Sự tấn tài, sự āyu ca jīvasiddhī bhavantu te. tấn hóa, sự sang cả. Hoặc sự sống đến trăm tuổi, hoặc sự thành tựu trong việc nuôi mạng cho được an vui. Tất cả sự ấy, cầu xin hằng đến cho người.

42. KỆ HỒI HƯỚNG QUẢ BÁO ĐẾN NGẠ QUỶ (01:24:15-01:25:29) TIROKUḌḌAKAṆḌA GĀTHĀ

1. Adāsi me akāsi me Khi người ta tưởng thấy ơn nghĩa mà ân nhân đã Ñāti mittā sakhā ca me làm. Dành để cho người trong lúc trước, người Petānaṃ dakkhiṇaṃ dajjā này có bố thí vật này đến ta. Các người ấy đều là Pubbe katam'anussaraṃ. quyến thuộc của ta, nên cho Dakkhiṇā-dāna đến các Ngạ quỉ ấy.

2. Na hi runnaṃ vā soko vā Sự uất ức thương tiếc trong sự sinh tử biệt ly, đều Yāv'aññā paridevanā chẳng có lợi ích chi. Làm như thế chẳng có sự lợi Na taṃ petānam'atthāya ích đến các Ngạ quỉ. Các Ngạ quỉ chẳng được Evaṃ tiṭṭhanti ñātayo. biết, chẳng được nghe.

3. Ayañca kho dakkhiṇā dinnā. Nếu Dakkhiṇā-dāna, mà người đã được làm rồi. Saṅghamhi supatiṭṭhitā Là được bố thí theo lẽ chánh đến Chư Tăng. Dīgharattaṃ hitāyassa (Dakkhiṇā-dāna ấy) mới được kết quả do theo Ṭhānaso upakappati. duyên cớ, tức là được sự lợi ích lâu dài đến các Ngạ quỉ.

4. So ñāti-dhammo ca ayaṃ nidassito Quyến thuộc ấy là người đã hành đúng theo Pháp Petāna-pūjā ca katā uḷārā. rồi. Sự cúng dường trọng thể và hồi hướng đến các Ngạ quỉ, người cũng đã làm rồi.

5. Balañca bhikkhūnam'anuppa-dinnaṃ Sức lực các Thầy Tỳ khưu, người cũng đã bố thí Tumhehi puññaṃ pasutaṃ anuppakan'ti. rồi. Hạnh phúc mà người đã sẵn dành như thế chẳng phải là ít.

43. KỆ CHÚC PHÚC (01:25:31-01:26:25)

1. Bhavatu sabba maṅgalaṃ 1. Tất cả hạnh phúc hằng có đến người. Cầu xin Rakkhantu sabba devatā Chư Thiên hộ trì đến người. Do nhờ oai đức của Sabba Buddh'ānubhāvena Chư Phật. Các sự thạnh lợi thường thường đến Sadā sotthi bhavantu te. người.

2. Bhavatu sabba maṅgalaṃ 2. Tất cả hạnh phúc hằng có đến người. Cầu xin Rakkhantu sabba devatā Chư Thiên hộ trì đến người. Do nhờ oai đức của Sabba Dhamm'ānubhāvena Giáo Pháp. Các sự thạnh lợi thường thường đến Sadā sotthi bhavantu te. người.

3. Bhavatu sabba maṅgalam 3. Tất cả hạnh phúc hằng có đến người. Cầu xin Rakkhantu sabba devatā Chư Thiên hộ trì đến người. Do nhờ oai đức của Sabba Saṅgh'ānubhāvena Chư Tăng. Các sự thạnh lợi thường thường đến Sadā sotthi bhavantu te. người.

Pháp thí thắng mọi thí Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti

SÁCH ẤN TỐNG KHÔNG BÁN

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.